

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

21/09/2026 – 25/09/2026

Khởi Nghiên cứu



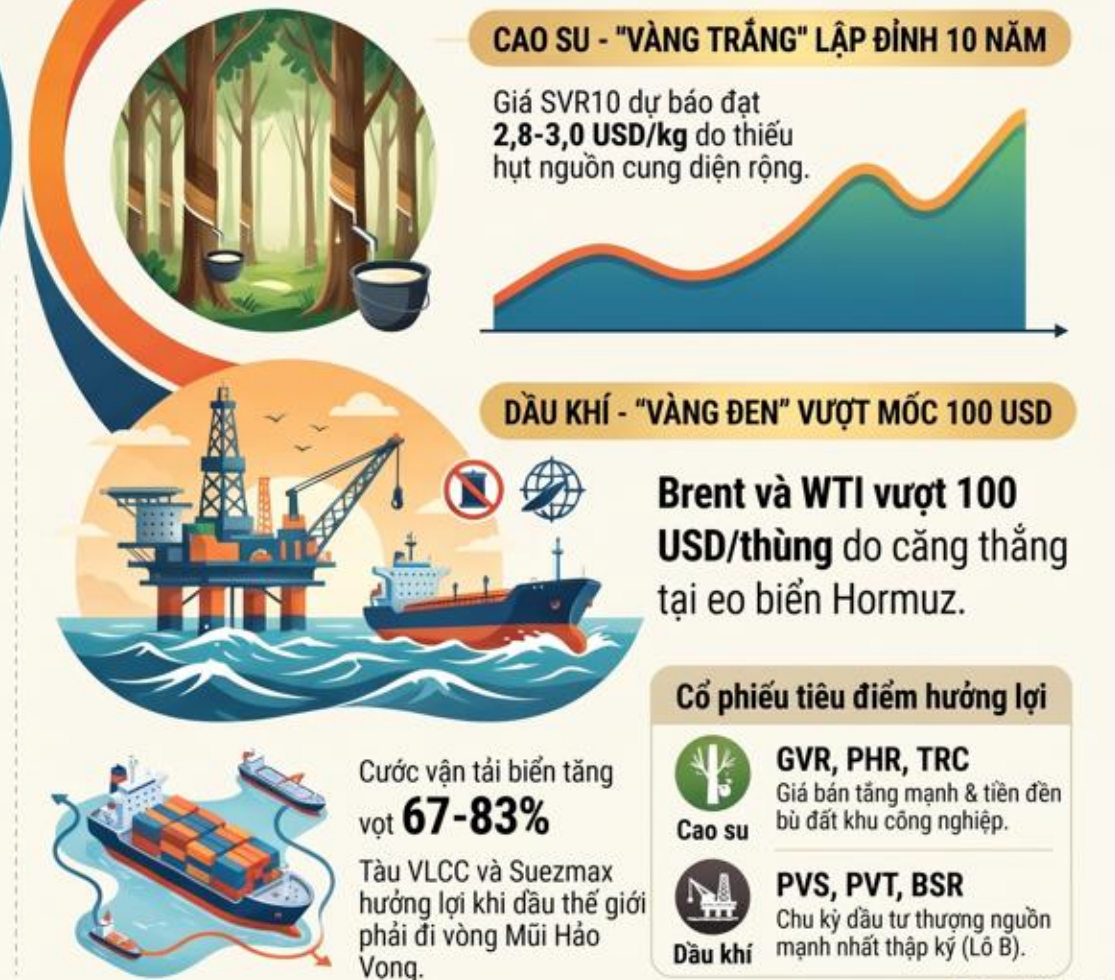
Trụ sở CTCP Chứng khoán MB
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: +84 24 7304 5688 | Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

TTCK VIỆT NAM 2026: BƯỚC NGOẶT NÂNG HẠNG & SIÊU CHU KỲ HÀNG HÓA

TIÊU ĐIỂM THỊ TRƯỜNG & CÚ HÍCH NÂNG HẠNG



SIÊU CHU KỲ HÀNG HÓA: CAO SU & DẦU KHÍ



Bước ngoặt nâng hạng và siêu chu kỳ hàng hóa

- **Thị trường chứng khoán Mỹ** giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (18/9), hoàn tất một tuần giao dịch nhiều biến động khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng cao, giá dầu duy trì ở mức cao và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất. Chốt tuần, Dow Jones giảm 1,7%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất từ tháng 3 và là tuần giảm thứ ba liên tiếp. S&P 500 giảm khoảng 0,1%. Riêng chỉ số Nasdaq tăng 0,7% nhờ sự vượt trội của cổ phiếu công nghệ.
- Trong một động thái đã được thị trường dự báo từ trước, Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) - bộ phận ra quyết định lãi suất của Fed - đã bỏ phiếu với tỷ lệ 12 phiếu thuận và 0 phiếu chống để tăng lãi suất quỹ liên bang thêm 0,25 điểm phần trăm, lên mức 3,75-4%.
- Cùng với Fed, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) cũng tăng lãi suất trong tuần vừa qua, với lượng tăng 0,25 điểm phần trăm, đưa lãi suất chính sách lên mức 1,25%, cao nhất trong 31 năm. BOJ cũng phát tín hiệu sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong thời gian tới để ngăn rủi ro lạm phát vượt mục tiêu. Tuần trước, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã tăng lãi suất lần thứ hai trong năm nay. Trong một động thái đã được thị trường dự báo từ trước, *ECB tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm, lên mức 2,5%, cao nhất kể từ tháng 4/2025*. Các nhà giao dịch tiếp tục đặt cược rằng ECB sẽ có thêm động thái điều chỉnh lãi suất trong năm nay.
- Dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của công ty quản lý sàn giao dịch CME cho thấy thị trường lãi suất tương lai đang đặt cược khả năng 55% Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 10. Sau động thái tăng 0,25 điểm phần trăm trong tuần vừa qua, lãi suất quỹ liên bang của Fed đang ở mức 3,75-4%. Chủ tịch Fed Kevin Warsh đã nhấn mạnh rằng lạm phát đã ở mức quá cao trong thời gian quá dài.
- **Trên thị trường hàng hóa:** Tuần vừa qua, giá vàng thế giới tăng trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (18/9), đạt mức cao nhất trong 1 tuần và hoàn tất tuần tăng đầu tiên trong vòng 3 tuần trở lại đây. So với tuần trước, giá vàng tăng gần 1%, sau khi giảm trong hai tuần liên tiếp trước đó.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,91%, đóng cửa ở mức 103,87 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm

1,58%, còn 100,3 USD/thùng. Tuần vừa qua, giá dầu Brent giảm gần 1%, còn giá dầu WTI gần như đi ngang. Dầu thô trượt giá phiên thứ ba liên tiếp khi thị trường tin rằng việc Saudi Arabia phải đóng cửa đường ống dẫn dầu Đông-Tây do đường ống này bị tấn công sẽ không gây ra sự gián đoạn nguồn cung nghiêm trọng như lo ngại ban đầu. Từ khi đường ống này bị tấn công vào hôm thứ Năm tuần trước tới nay, giá dầu đã tăng hơn 5%.

Đối với thị trường trong nước: Chỉ số [Vn-Index](#) phục hồi trở lại dù chỉ có 2 phiên tăng và 3 phiên giảm, qua đó lấy lại ngưỡng 1.800 điểm. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.815,66 điểm, tăng +20,45 điểm (+1,14%), nhờ lực kéo từ các cổ phiếu lớn như: SSB (+4,1 điểm), VCB (+2,9 điểm), BSR (+2,7 điểm). Mức tăng ở tuần vừa qua tập trung ở nhóm cổ phiếu Bluechip, với Vn30 (+1,4%), bên cạnh đó Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt +0,76% và +0,82%. Kể từ đầu năm, Vn-Index tăng +1,7%, trong khi Vn30 giảm -3,3%, Midcap và Smallcap cũng giảm lần lượt -14,8% và -16,5%.

Độ rộng thị trường: cho thấy thị trường vừa qua tuần tăng trên diện rộng, tỷ lệ cổ phiếu tăng đạt 75%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Dầu khí (+6,9%), Bảo hiểm (+4,9%), BĐS KCN (+3,8%), ...trong khi ngược dòng thị trường là các nhóm cổ phiếu như: Đầu tư công (-1,9%), Công nghệ (-1,3%), Vingroup (-1%), ...

Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 20.300 tỷ đồng, tăng +21,7% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +22,6%, lên 16.700 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 9 giảm về mức thấp nhất kể từ đầu năm, giảm -1,2% so với tháng 8 và sụt -51% vsck, còn 18.456 tỷ đồng. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 25.943 tỷ đồng, giảm -10,2% so với mức bình quân năm 2025 và giảm -9,8% vsck.

Khối ngoại mua ròng +2.639 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đánh dấu tuần mua ròng nhiều nhất kể từ cuối tháng 2/2026. Kể từ đầu tháng 9, khối ngoại bán ròng -378 tỷ đồng, tiếp tục xu hướng giảm khi tháng 8 khối ngoại chỉ còn bán ròng -1.357 tỷ đồng so với bình quân 3 tháng trước đó ở mức -15.600 tỷ đồng. Lũy kể từ đầu năm khối ngoại bán ròng -94.000 tỷ đồng (~3,6 tỷ USD).

Bước ngoặt nâng hạng và siêu chu kỳ hàng hóa

- Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: FPT (+571 tỷ đồng), HDB (+462 tỷ đồng), BSR (+423 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: VIC (-1.073 tỷ đồng), VHM (-709 tỷ đồng), VIX (-198 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: VPB (+569 tỷ đồng), VIC (+137 tỷ đồng), DMX (+111 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: MCH (-198 tỷ đồng), FPT (-79 tỷ đồng), VCB (-55 tỷ đồng).
- Nhận định thị trường:**
- Cú hích lịch sử từ sự kiện nâng hạng FTSE Russell & Tín hiệu xoay trục của dòng vốn ngoại:**
 - Tâm điểm lớn nhất của thị trường tuần tới là việc TTCK Việt Nam chính thức chuyển sang trạng thái Thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market) theo chuẩn FTSE. Sự kiện này mở đường cho các quỹ chỉ số (Index Funds) và quỹ ETF mô phỏng rô chỉ số mới nổi giải ngân. Điển hình là kế hoạch của Quỹ Vanguard (quản lý ~13.000 tỷ USD) dự kiến phân bổ khoảng 2,5 tỷ USD (~65.000 tỷ đồng) vào Việt Nam với cam kết nắm giữ dài hạn.
 - Sự kiện này thúc đẩy sự phát triển của các công cụ phòng vệ rủi ro. FTSE Russell đã đề xuất triển khai các sản phẩm phái sinh dựa trên chỉ số FTSE Vietnam niêm yết ở nước ngoài nhằm tăng tính thanh khoản, hỗ trợ xác lập giá và kết nối dòng vốn hai chiều. Cả Ngân hàng Thế giới (WB) và các tổ chức quốc tế đều nhấn mạnh việc nâng hạng chỉ là điểm khởi đầu. Thách thức lớn nhất mà nhà đầu tư tổ chức theo dõi sát sao hiện nay là vấn đề giới hạn sở hữu nước ngoài (Foreign Ownership Limit - FOL). Việc tiếp tục sửa đổi các quy định liên quan (như Luật Đầu tư) và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp niêm yết sẽ là điều kiện tiên quyết để Việt Nam gia tăng tỷ trọng trong rô chỉ số và tiến tới các xếp hạng cao hơn.
 - Thực tế, dòng vốn ngoại đã có hành động đón đầu rõ nét khi chuyển sang mua ròng +2.639 tỷ đồng trong tuần vừa qua — đánh dấu tuần mua ròng mạnh nhất kể từ cuối tháng 2/2026. Khối ngoại tập trung gom các cổ phiếu quy mô lớn như FPT (+571 tỷ), HDB (+462 tỷ), BSR (+423 tỷ).

Kỳ vọng Đột phá Chính sách Tài khóa Quý 4 làm "Điểm tựa" Vĩ mô:

- Tính đến ngày 10/9/2026, giải ngân đầu tư công mới đạt 51,2% kế hoạch Thủ tướng giao. Điều này đồng nghĩa áp lực dồn lực giải ngân gần 49% lượng vốn còn lại vào Quý 4 là rất lớn, tạo động lực cầu nội địa mạnh mẽ.
- Chính phủ thể hiện quyết tâm tháo gỡ thể chế bằng Nghị quyết 278/NQ-CP (ban hành ngày 18/9/2026) nhằm khẩn trương hoàn thiện 8 dự án luật trọng điểm (Luật Đất đai, Nhà ở, BĐS sửa đổi...). Bên cạnh đó, kế hoạch phát hành trái phiếu USD quốc tế (500 triệu – 1 tỷ USD) sẽ giúp gia tăng nguồn lực cho các đại dự án hạ tầng.

Về mặt kỹ thuật:

- Sau tuần giảm mạnh và để mất ngưỡng 1.800 điểm, chỉ số Vn-Index đã có phản ứng tích cực ở vùng hỗ trợ 1.780 điểm, lấy lại hơn 20 điểm với mức tăng diễn ra trên diện rộng dù chỉ có 2/5 phiên tăng. Sau tuần tăng vừa qua, chỉ số Vn-Index tiếp tục củng cố xu hướng tăng ngắn hạn khi tạo các đáy sau cao hơn đáy trước, lúc này vùng 1.790 điểm là hỗ trợ cho thị trường để bảo toàn xu hướng hồi phục của thị trường kể từ khi tạo đáy ở vùng 1.660 điểm.

Chiến lược hành động: Trên cơ sở phân tích lực kéo từ sự kiện FTSE và các rủi ro vĩ mô song hành, chiến lược giao dịch tối ưu cho nhà đầu tư được khuyến nghị như sau:

- Cơ cấu dòng vốn đang tập trung khá lớn ở nhóm cổ phiếu Dầu khí, Bảo hiểm, Chúng tôi cho rằng không nên mua mới ở nhóm cổ phiếu này, thay vào đó NGĐT có thể chờ các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.790 - 1.800 điểm để cơ cấu danh mục.
- Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu đang tăng do giá lương thực, thực phẩm tăng cao, chúng tôi thấy rằng nhóm cổ phiếu hàng hóa như: Dầu khí, Cao su tự nhiên, đang có nhiều lợi thế khi siêu chu kỳ giá hàng hóa cơ bản đang tăng mạnh. Chúng tôi nhận thấy cơ hội đầu tư và câu chuyện thực tế của các siêu cổ phiếu nhóm ngành “Vàng trắng” - Cao su (GVR, PHR) và “Vàng đen” - Dầu khí (PVS, PVT).

Lịch sự kiện tháng 9

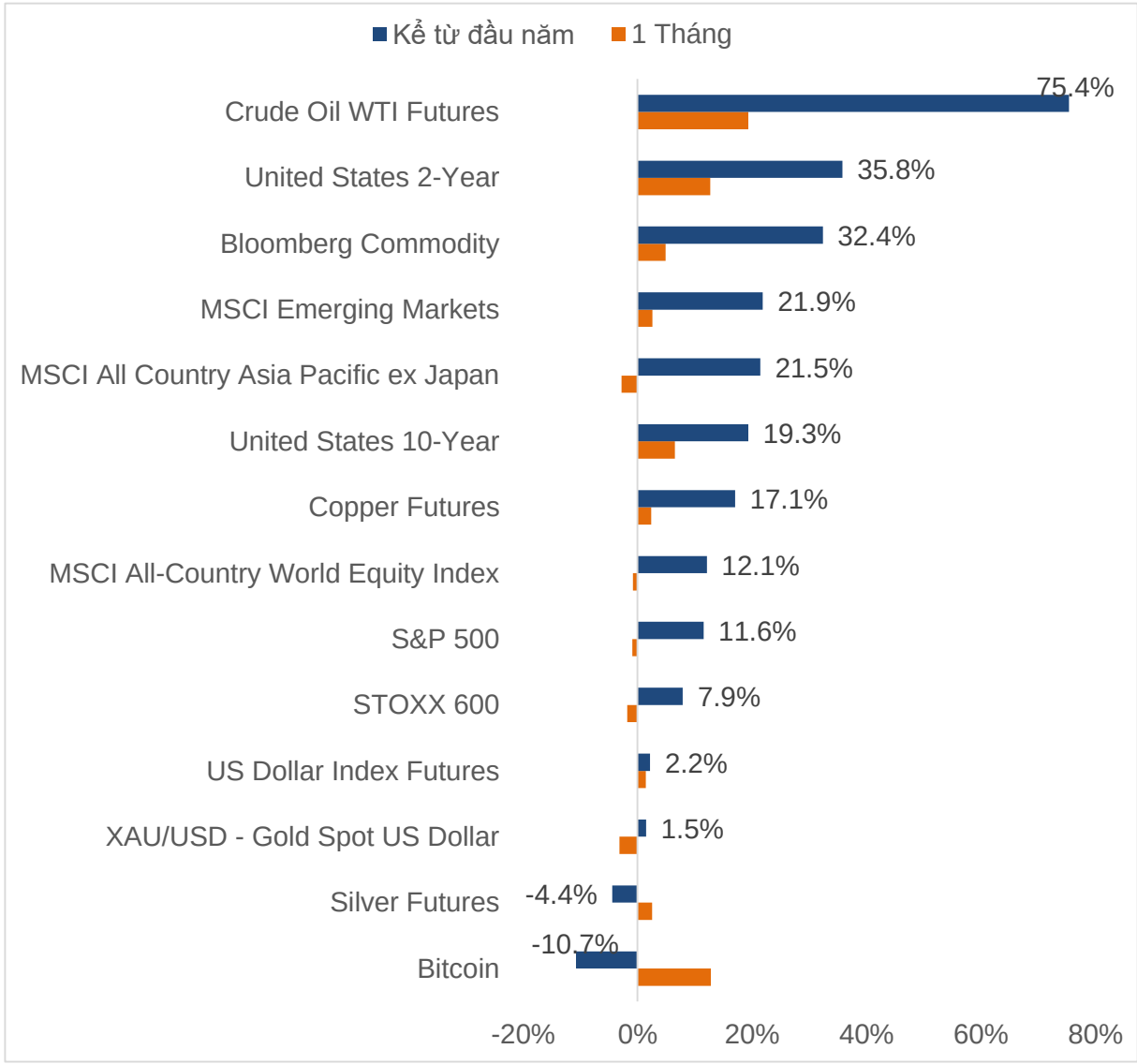
MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
31	1  - Cơ hội việc làm của JOLTS (T7) - PMI Sản xuất (T8)	2  Quốc khánh Việt Nam	3  Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (T8)	4  - Tỷ lệ thất nghiệp (T8) - Bảng lương phi nông nghiệp (T8)	5	6
7	8  Tăng trưởng GDP (Q2)	9	10  Quyết định lãi suất của ECB	11  Chỉ số giá tiêu dùng CPI (T8)	12	13
14	15	16  Doanh số bán lẻ (T8)	17  - Đáo hạn phái sinh - Quyết định lãi suất của Fed	18  Quyết định lãi suất của BoJ	19	20
21  Nâng hạng thị trường theo chuẩn FTSE	22	23  Chỉ số PMI dịch vụ sơ bộ (T9)	24	25  Chỉ số tâm lý tiêu dùng của ĐH Michigan (T9)	26	27
28	29  Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của CB (T9)	30  - Tăng trưởng GDP (Q2) - Chỉ số giá PCE (T8)				

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần

	Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	Từ thời điểm xung đột Mỹ -Iran
	Dow Jones	51,682.64	-1.7%	-3.3%	7.5%	5.5%
	S&P 500	7,650.50	-0.1%	-1.2%	11.8%	11.2%
	Nasdaq	26,522.55	0.7%	-0.5%	14.1%	17.0%
	DAX	25,304.06	-1.0%	-3.9%	3.3%	0.1%
	CAC 40	8,065.02	-1.4%	-6.0%	-1.0%	-6.0%
	FTSE 100	10,659.13	0.1%	-0.6%	7.3%	-2.3%
	NIKKEI 225	65,018.95	2.6%	-6.1%	29.2%	10.5%
	KOSPI	6,894.23	0.6%	-1.2%	63.6%	10.4%
	Shanghai	3,911.87	0.9%	-1.8%	-1.4%	-6.0%
	Vn-Index	1,815.66	1.1%	5.1%	1.7%	-3.4%
	VN30	1,964.17	1.4%	4.6%	-3.3%	-4.7%
	VN100	1,860.89	1.2%	3.7%	-3.0%	-4.5%
	Vn Midcap	1,889.97	0.8%	-1.6%	-14.8%	-17.8%
	VN Smallcap	1,232.79	0.8%	-1.5%	-16.5%	-18.8%
	HNX-INDEX	275.29	1.0%	-1.2%	10.7%	4.7%
	Upcom-Index	126.40	-0.1%	-1.4%	4.5%	-2.3%

Nguồn: Update 19/09/2026, MBS Research

Hiệu suất của các nhóm tài sản



Nguồn: Update 18/09/2026, Investing, MBS Research

Bức Tranh Kinh Tế Việt Nam 8 Tháng Đầu Năm 2026: Đà Tăng Trưởng Giữ Vững

CÁC CHỈ SỐ TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG

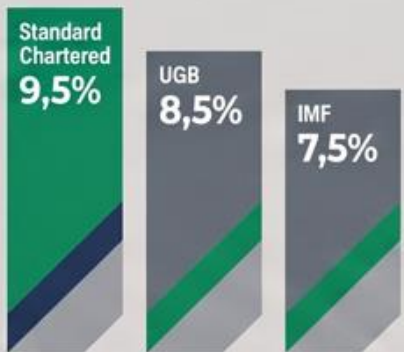
8,18%

GDP 6 tháng đầu năm ước tăng

Đây là mức tăng trưởng nửa đầu năm cao nhất được ghi nhận trong vòng 15 năm qua tại Việt Nam.



Các tổ chức quốc tế đồng loạt nâng dự báo tăng trưởng cả năm 2026



ĐẦU TƯ VÀ LẠM PHÁT

40,63 tỷ USD

Vốn FDI đăng ký bứt phá đạt 40,63 tỷ USD

Tăng mạnh 55,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm vốn cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần.



Giải ngân đầu tư công đạt 477,2 nghìn tỷ đồng

Đạt 46,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đồng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế.

17,25 tỷ USD

Vốn FDI thực hiện đạt 17,25 tỷ USD

Số vốn giải ngân thực tế tăng 12% so với cùng kỳ, phản ánh tiến độ triển khai dự án tích cực.

4,45%

Lạm phát (CPI bình quân) tăng 4,45%

Kiểm soát ổn định với lạm phát cơ bản bình quân 8 tháng ở mức 4,24%.



11,9%

IIP 8 tháng tăng 11,9% so với cùng kỳ

Chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế duy trì đà hồi phục mạnh mẽ, vượt xa mức tăng 8,6% của cùng kỳ năm ngoái.



53,3 điểm

PMI tháng 8 đạt 53,3 điểm

Mức cao nhất trong 6 tháng qua và đã nằm trên ngưỡng 50 điểm trong suốt 14 tháng liên tiếp, cho thấy sản xuất tăng trưởng nhanh nhất trong hơn 2 năm.

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VÀ QUY MÔ XUẤT NHẬP KHẨU

770,14 tỷ USD

Tổng kim ngạch XNK đạt kỷ lục 770,14 tỷ USD

Tăng trưởng mạnh mẽ 28,7% so với cùng kỳ, xác lập cột mốc lịch sử mới xê quy mô thương mại.

0,12 tỷ USD

Áp lực nhập siêu giảm đáng kể trong tháng 8

Tháng 8 chỉ nhập siêu 0,12 tỷ USD nhờ kim ngạch xuất khẩu bứt phá đạt 54,79 tỷ USD (tăng 26% so với cùng kỳ).



20,46 tỷ USD

Lũy kế 8 tháng thâm hụt thương mại 20,46 tỷ USD

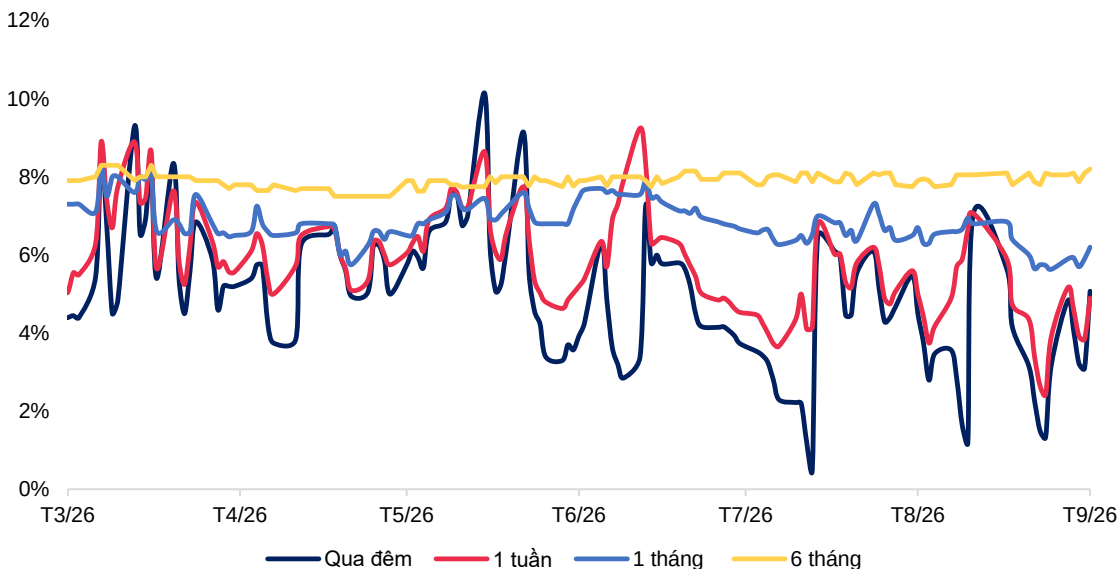
Tình trạng nhập siêu chủ yếu dẫn từ việc tăng cường nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

Chỉ tiêu XNK 8 tháng	Giá trị (Tỷ USD)	Tăng trưởng (%)
Tổng kim ngạch	770,14	+28,7%
Xuất khẩu	374,64	+22,4%
Nhập khẩu	395,30	+35,3%

Lãi suất

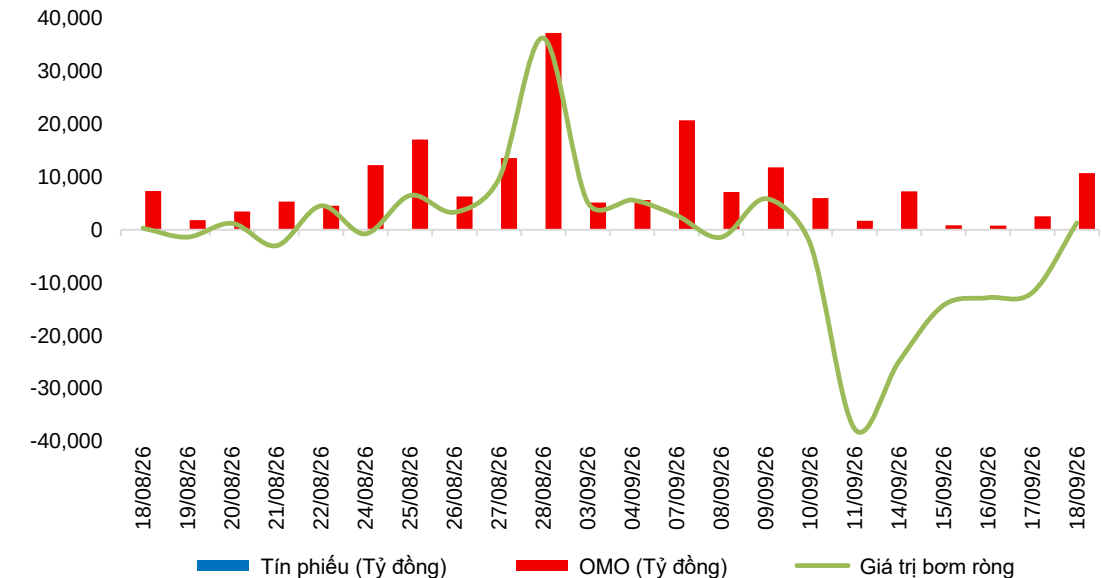
- Trong tuần 14/9 – 18/9, NHNN tiếp tục hút ròng với quy mô 62.5 nghìn tỷ đồng, gần gấp đôi so với tuần trước. Cụ thể, có 22.1 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 – 91 ngày và lãi suất 4.5%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 84.7 nghìn tỷ đồng. Theo đó, lượng OMO lưu hành giảm xuống mức 152.5 nghìn tỷ đồng.
- Tuần qua, lãi suất LNH diễn biến tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất LNH kỳ hạn qua đêm tăng 191 điểm cơ bản so với cuối tuần trước lên mức 5.08%. Các kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng cũng tăng lần lượt 100 và 57 điểm cơ bản, hiện dao động trong khoảng 4.9% - 6.2%. Trong khi đó, kỳ hạn 6 tháng tăng nhẹ 15 điểm cơ bản, lên mức 8.2%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

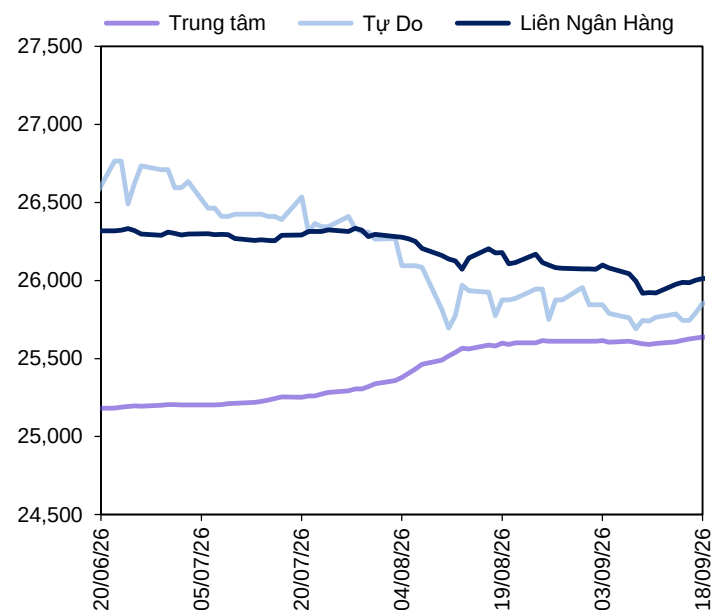


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

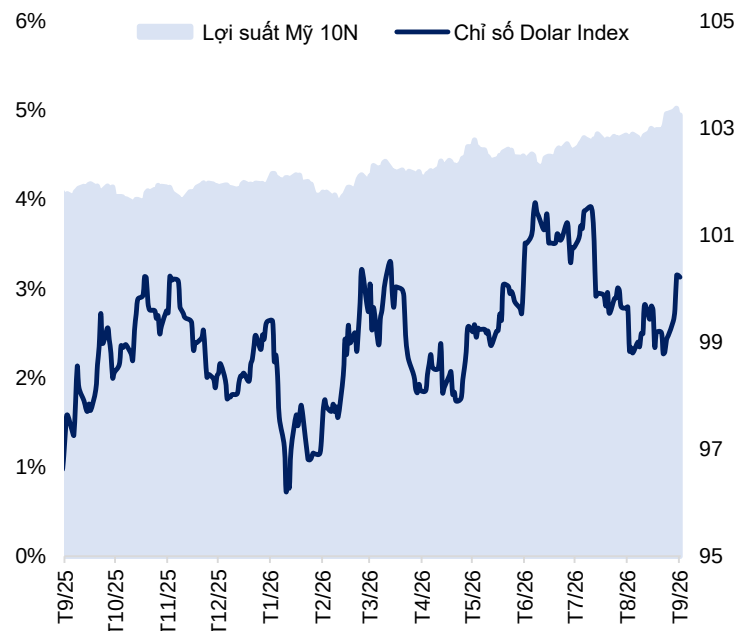
Chỉ số DXY kết tuần ở mức 100.22, tăng 1.1% so với cuối tuần trước, tiếp tục được hỗ trợ bởi quyết định tăng lãi suất của Fed và đà giảm của đồng Yen. Tại cuộc họp tháng 9, Fed nâng lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản lên vùng 3.75% - 4.00%, đúng kỳ vọng của thị trường, đồng thời phát tín hiệu có thể tăng lãi suất thêm ít nhất một lần trong năm nay. Bên cạnh đó, Chủ tịch Fed Warsh tái khẳng định cam kết kiểm soát lạm phát, qua đó củng cố niềm tin của thị trường vào định hướng chính sách của Fed. Trong khi đó, BoJ cũng tăng lãi suất 25 cơ bản, song việc hai thành viên phản đối quyết định này cho thấy tốc độ thắt chặt trong thời gian tới có thể chậm hơn kỳ vọng, gây áp lực lên đồng Yen và hỗ trợ DXY. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng tăng 0.35% so với tuần trước, lên mức 26,012 VND/USD (-1% so với đầu năm). Tương tự, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng 41 đồng, lên mức 25,637 VND/USD (+2.04% so với đầu năm). Tỷ giá trên thị trường tự do cũng tăng 0.35%, hiện ở mức 25,855 VND/USD (-3.97% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



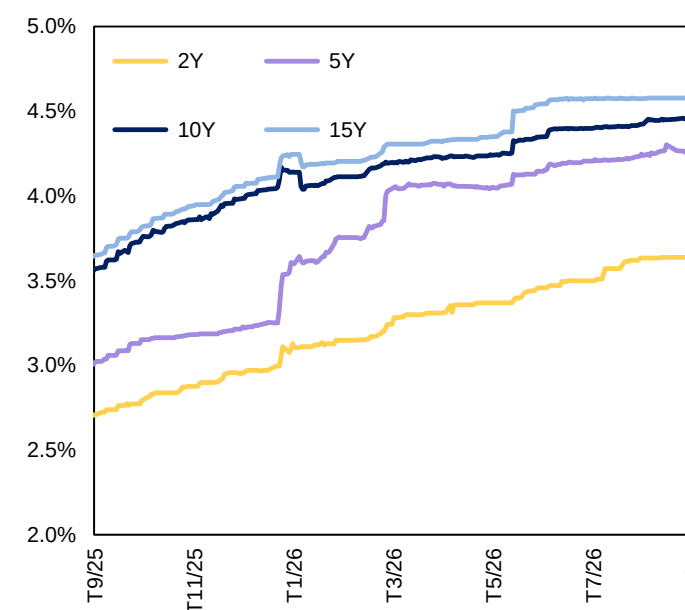
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

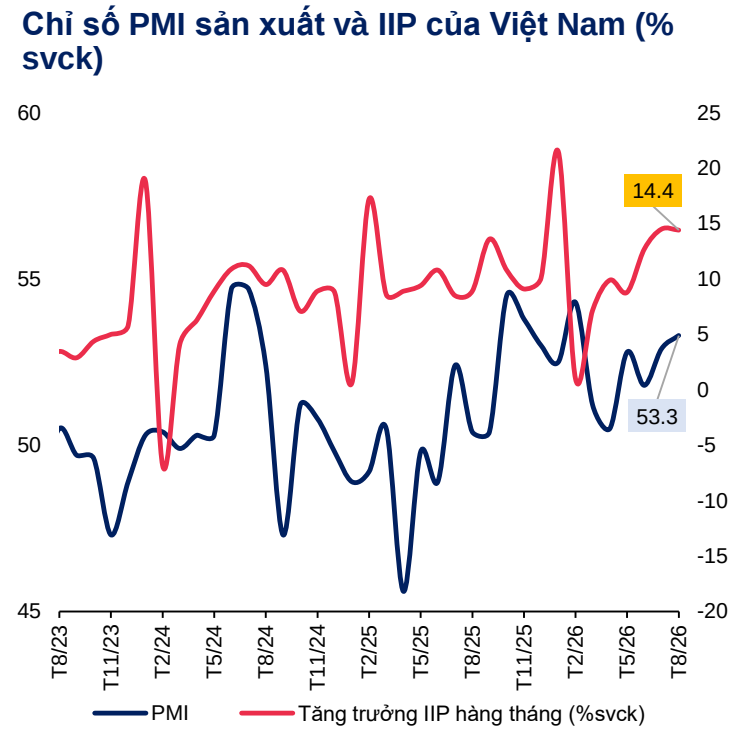
Lợi suất TPCP



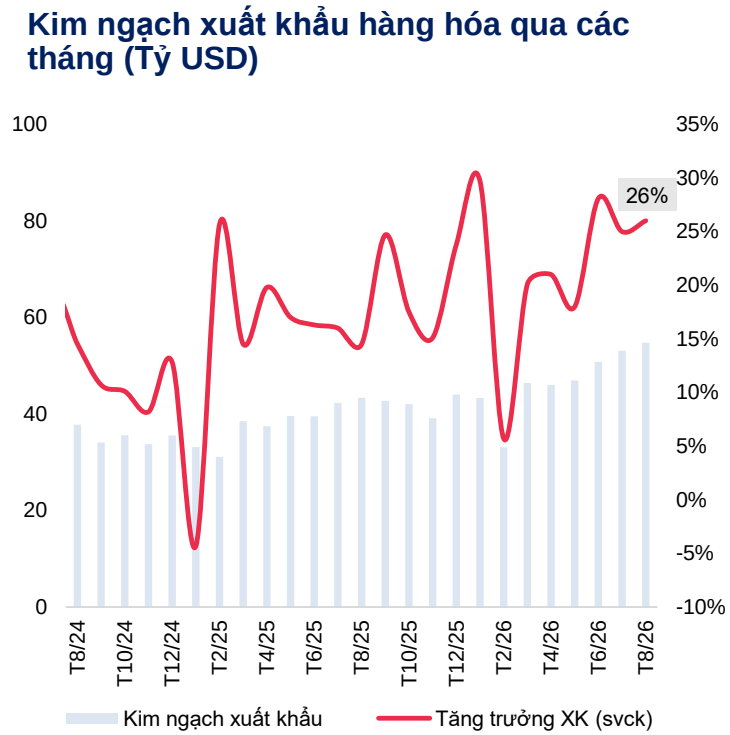
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

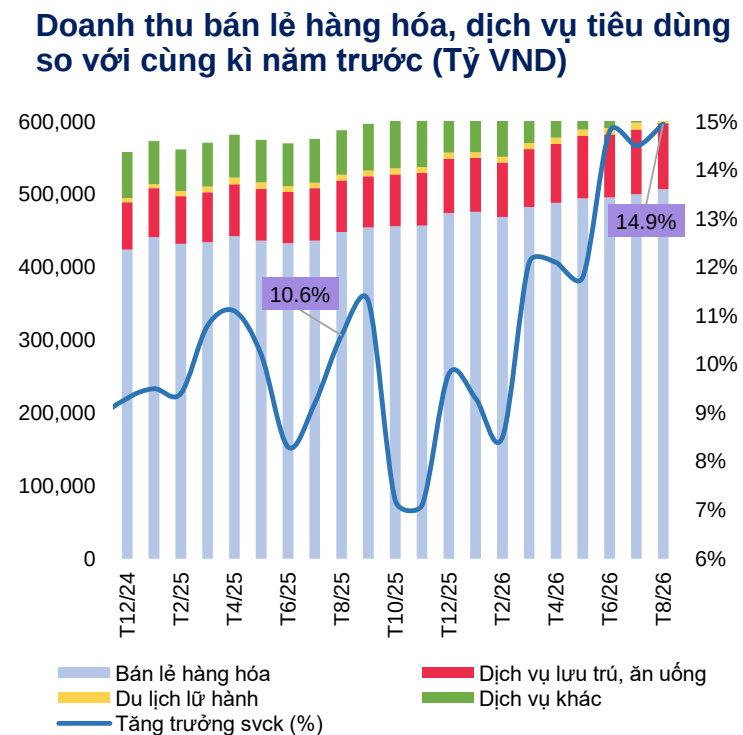
- Cán cân thương mại hàng hóa T8 thâm hụt 0.12 tỷ USD - đánh dấu tháng nhập siêu thứ 9 liên tiếp. Song, mức thâm hụt của T8 đã giảm mạnh 97% so với T7 nhờ kim ngạch nhập khẩu trong kỳ ghi nhận mức giảm theo tháng lần đầu tiên kể từ T2 khi giảm 3.1% so với T7, ước đạt 54.91 tỷ USD (+37.9% svck). Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 54.79 tỷ USD (+26% svck). Lũy kế 8T26, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20.46 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T8/26 ước tính tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 14.4% svck. Chỉ số PMI ngành sản xuất tăng lên mức cao nhất trong 6 tháng khi đạt 53.3 trong T8. Đà phục hồi diễn ra khi áp lực giá cả giảm và nhu cầu khách hàng cải thiện đã giúp số lượng đơn hàng mới tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ T10/2025.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 14.9% svck trong T8, và lũy kế 8T26 tăng 13.3% svck (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.6% svck).



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

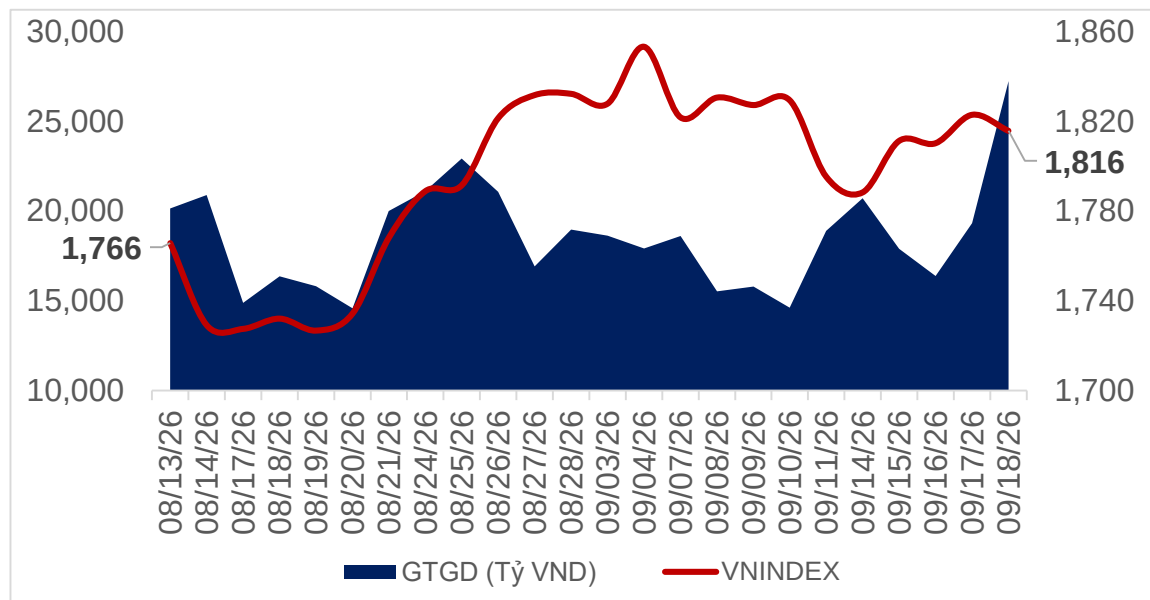


Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Chỉ số Vn-Index phục hồi trở lại dù chỉ có 2 phiên tăng và 3 phiên giảm, qua đó lấy lại ngưỡng 1.800 điểm

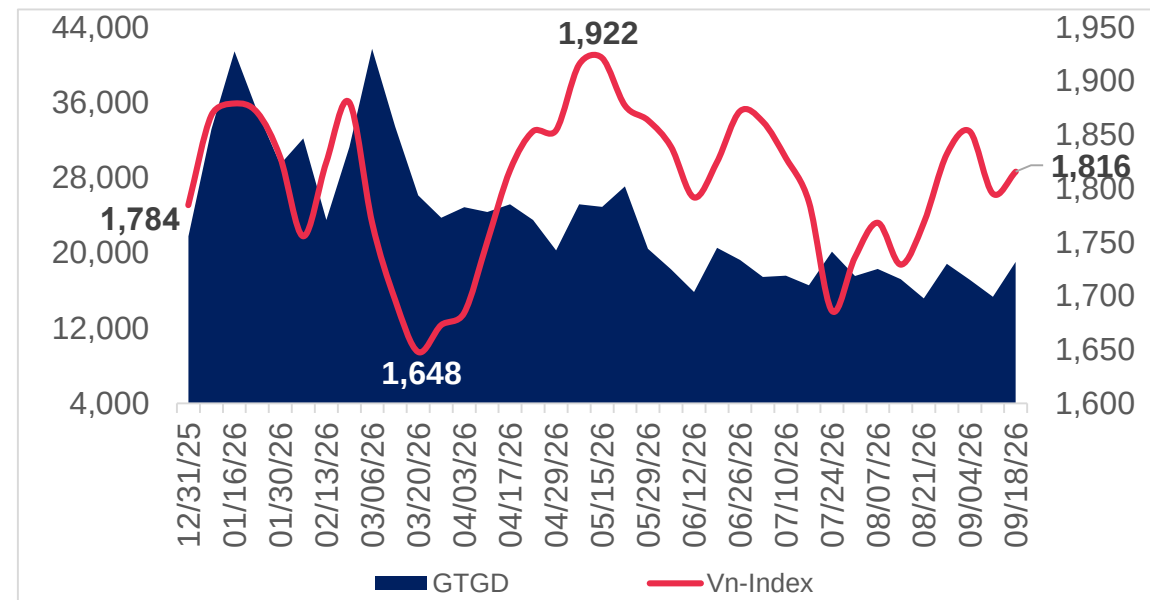
- Chỉ số Vn-Index phục hồi trở lại dù chỉ có 2 phiên tăng và 3 phiên giảm, qua đó lấy lại ngưỡng 1.800 điểm. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.815,66 điểm, tăng +20,45 điểm (+1,14%), nhờ lực kéo từ các cổ phiếu lớn như: SSB (+4,1 điểm), VCB (+2,9 điểm), BSR (+2,7 điểm). Mức tăng ở tuần vừa qua tập trung ở nhóm cổ phiếu Bluechip, với Vn30 (+1,4%), bên cạnh đó Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt +0,76% và +0,82%. Kể từ đầu năm, Vn-Index tăng +1,7%, trong khi Vn30 giảm -3,3%, Midcap và Smallcap cũng giảm lần lượt -14,8% và -16,5%.
- Độ rộng thị trường: cho thấy thị trường vừa qua tuần tăng trên diện rộng, tỷ lệ cổ phiếu tăng đạt 75%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật như: Dầu khí (+6,9%), Bảo hiểm (+4,9%), BĐS KCN (+3,8%), ...trong khi ngược dòng thị trường là các nhóm cổ phiếu như: Đầu tư công (-1,9%), Công nghệ (-1,3%), Vingroup (-1%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường bình quân đạt 20.300 tỷ đồng, tăng +21,7% so với tuần trước, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +22,6%, lên 16.700 tỷ đồng.

Diễn biến chỉ số Vn-Index và thanh khoản (1 tháng, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

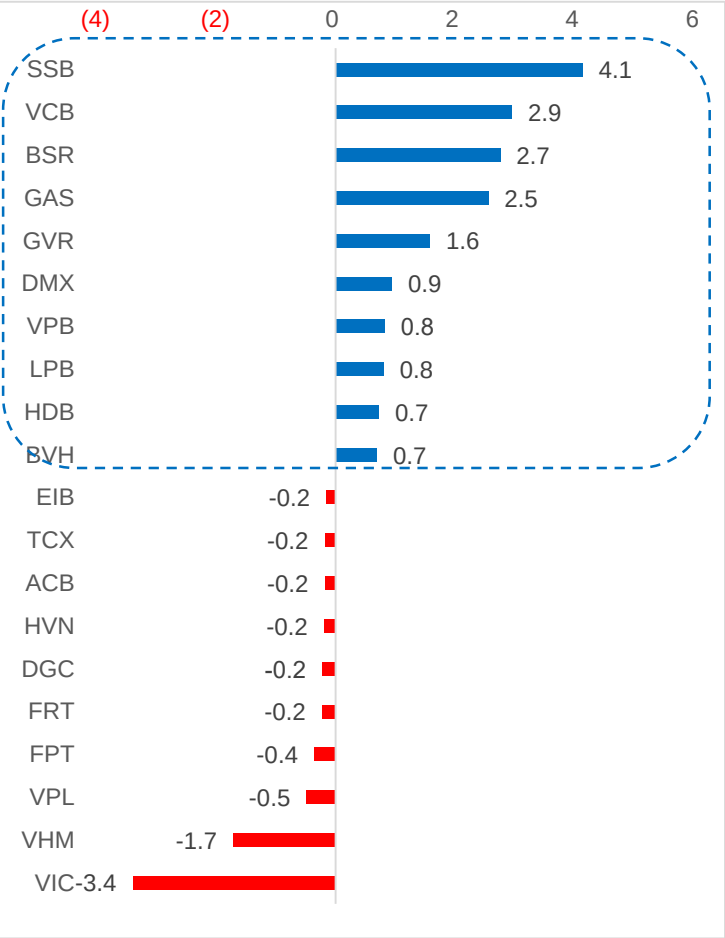
Diễn biến chỉ số Vn-index và thanh khoản (Theo tuần, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

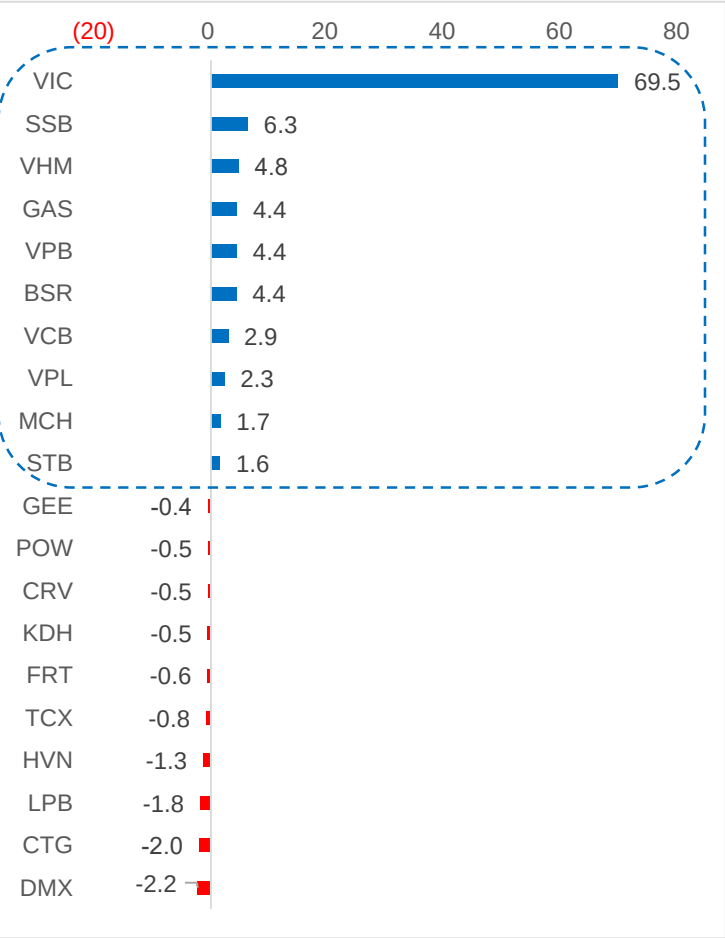
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +20,5 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua



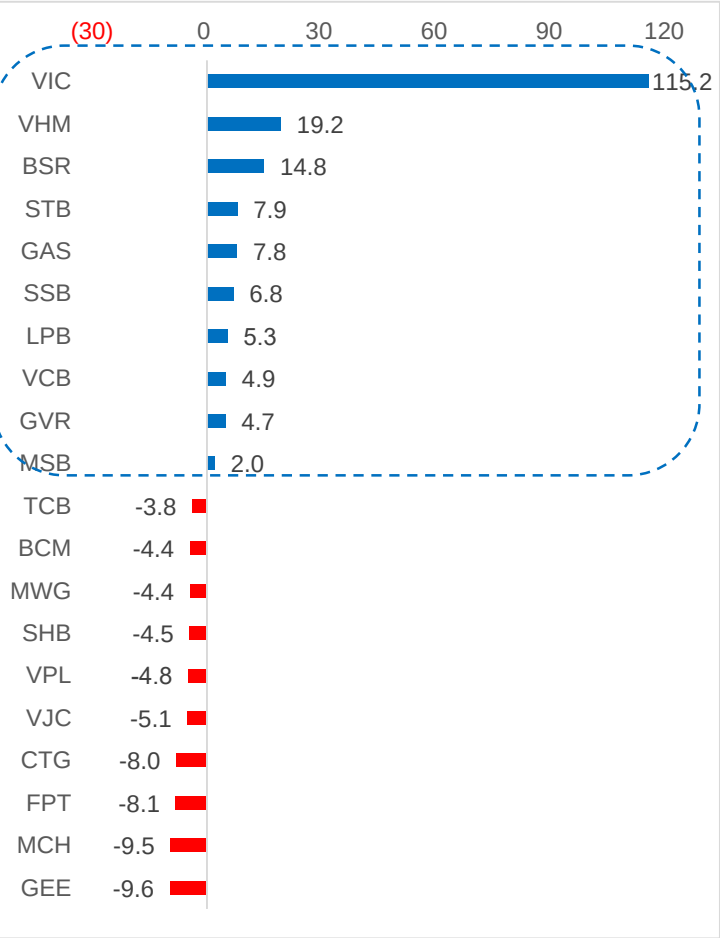
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +88 điểm của Vn-Index trong vòng 1 tháng vừa qua



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +31,2 điểm của Vn-Index kể từ đầu năm

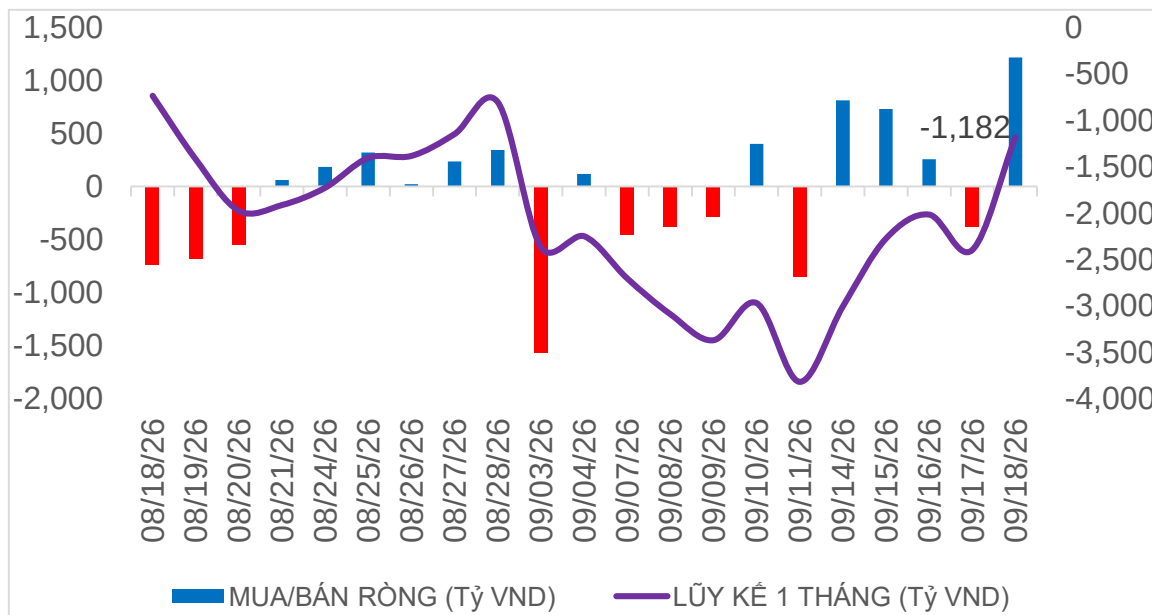


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Khối ngoại mua ròng +2.639 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đánh dấu tuần mua ròng nhiều nhất kể từ cuối tháng 2/2026

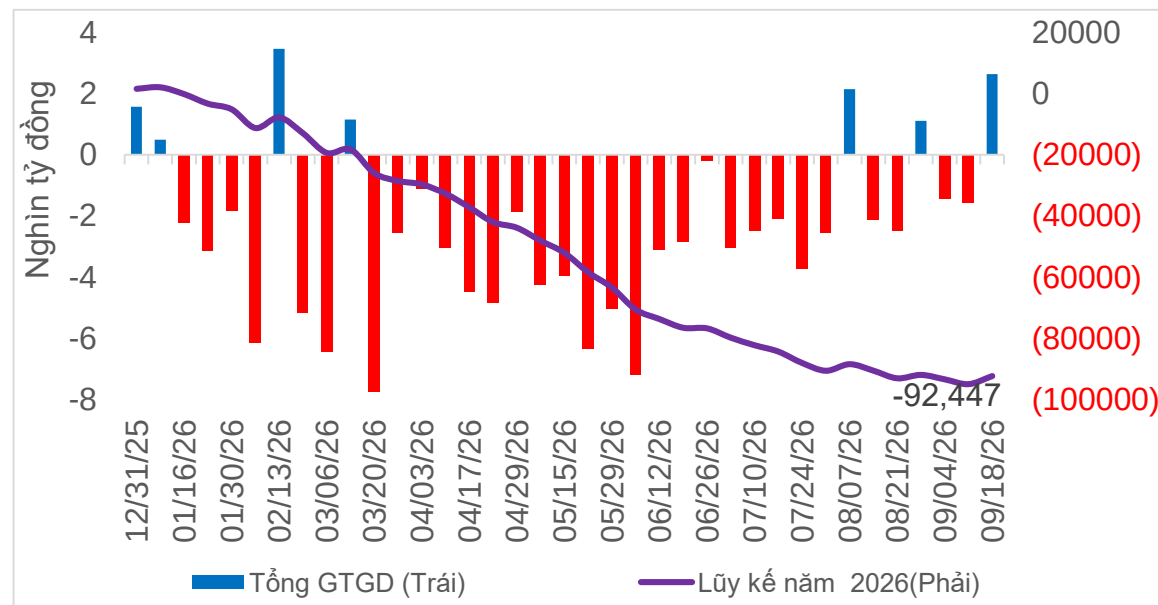
Khối ngoại mua ròng +2.639 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đánh dấu tuần mua ròng nhiều nhất kể từ cuối tháng 2/2026. Kể từ đầu tháng 9, khối ngoại bán ròng -378 tỷ đồng, tiếp tục xu hướng giảm khi tháng 8 khối ngoại chỉ còn bán ròng -1.357 tỷ đồng so với bình quân 3 tháng trước đó ở mức -15.600 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -94.000 tỷ đồng (~3,6 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: FPT (+571 tỷ đồng), HDB (+462 tỷ đồng), BSR (+423 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: VIC (-1.073 tỷ đồng), VHM (-709 tỷ đồng), VIX (-198 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: VPB (+569 tỷ đồng), VIC (+137 tỷ đồng), DMX (+111 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: MCH (-198 tỷ đồng), FPT (-79 tỷ đồng), VCB (-55 tỷ đồng).

Giao dịch NĐTNN trong vòng 1 tháng (Theo ngày)



Nguồn: FinX, MBS Research

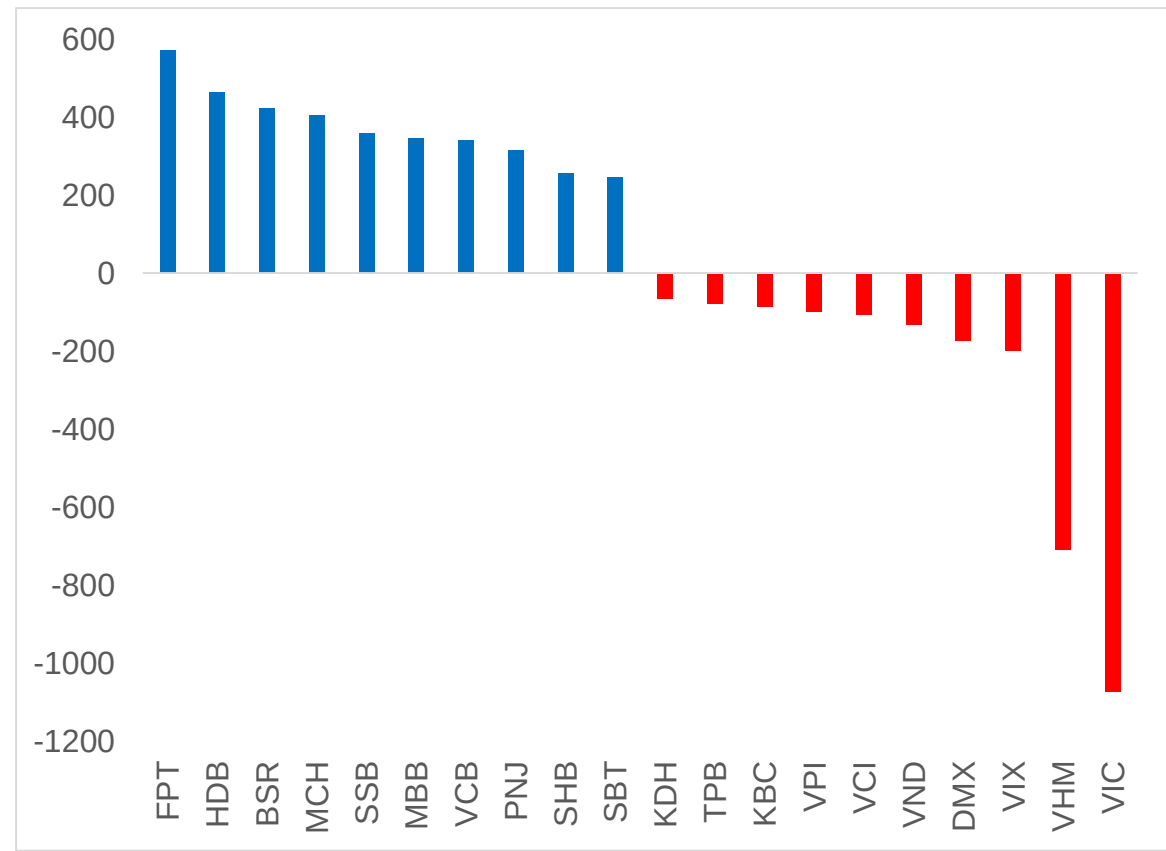
Giao dịch NĐTNN kể từ đầu năm (theo tuần)



Nguồn: FinX, MBS Research

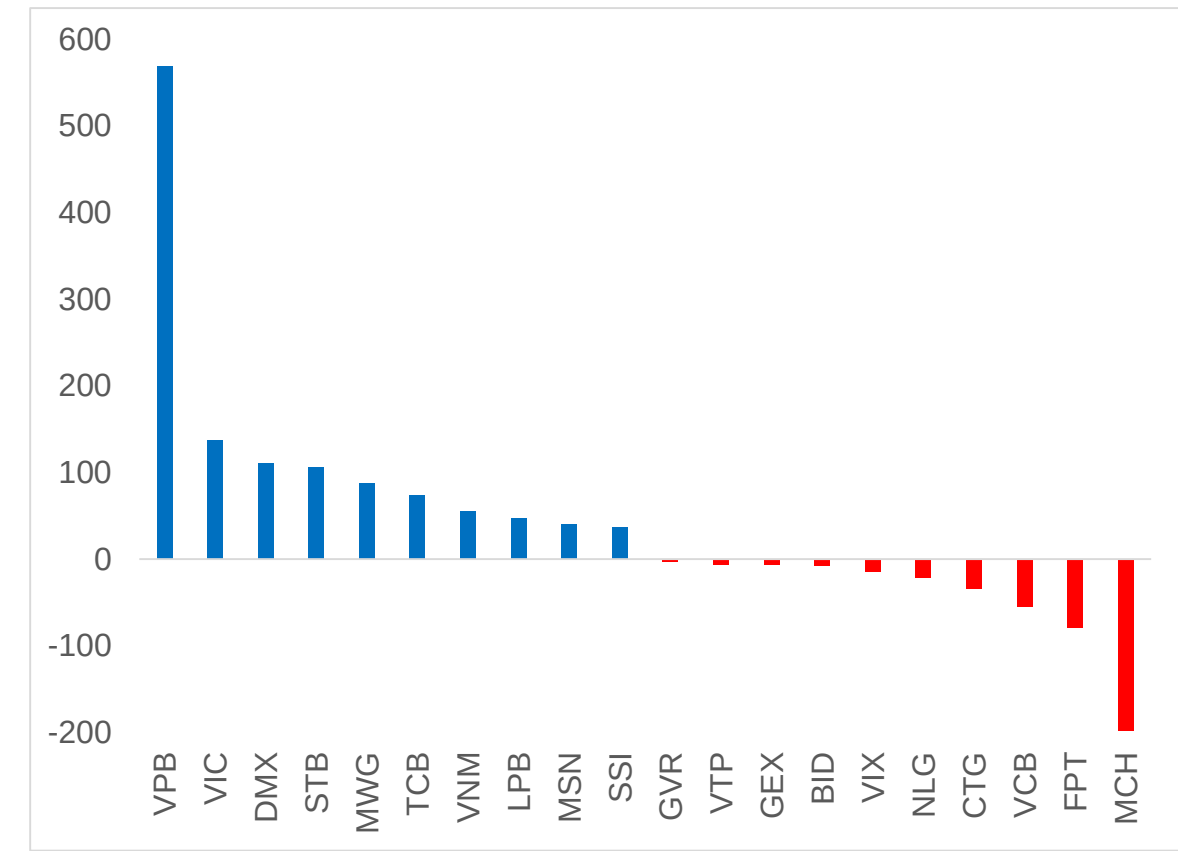
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Danh sách 27 cổ phiếu Việt Nam lọt vào FTSE All-Cap

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1815.7	535,154	-6.1	1.1	5.1	1.8
1	SSB	24.1	3,596	1.3	31.7	58.6	66.5
2	STB	78.2	3,572	-1.0	1.2	5.4	34.8
3	MSB	12.9	4,519	-6.0	-0.4	-4.0	24.7
4	HCM	25.5	3,864	-6.8	0.0	0.8	34.1
5	HDB	27.5	10,980	-8.3	2.6	2.4	-7.4
6	VIC	241.2	6,269	-9.0	-0.9	21.8	42.2
7	VHM	71.0	8,446	-14.9	-1.4	4.1	18.9
8	VNM	61.2	3,067	-16.4	2.2	-1.6	3.2
9	HPG	21.6	19,752	-21.7	1.2	1.7	-8.6
10	VCK	29.7	2,423	-22.1	2.4	0.5	-5.2
11	MCH	143.0	632	-22.5	0.9	4.5	-19.7
12	VPB	27.5	20,465	-23.0	1.9	10.9	-2.5
13	VCB	59.9	5,173	-23.4	2.9	2.9	4.9

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
14	VJC	129.0	1,223	-23.8	3.5	4.5	-19.8
15	VPL	81.2	1,047	-26.9	-1.6	8.3	-13.8
16	MSN	68.4	4,208	-27.2	2.9	2.2	-11.2
17	TCX	31.5	2,231	-29.3	-0.8	-3.6	-2.5
18	BID	35.8	3,710	-31.7	0.4	-0.4	-0.7
19	SSI	21.4	21,454	-32.2	5.4	8.1	-11.6
20	FPT	71.7	6,273	-33.1	-1.4	4.2	-24.1
21	NVL	12.8	12,267	-34.6	4.9	-3.0	2.9
22	SHB	11.8	46,761	-37.7	2.2	1.3	-26.8
23	VRE	25.5	5,465	-41.6	-0.4	4.5	-21.5
24	VCI	20.7	10,459	-42.4	3.0	-4.0	-19.3
25	VND	15.2	10,492	-42.8	0.3	-5.9	-19.6
26	GEX	24.4	9,779	-46.1	1.9	-0.6	-18.8
27	VIX	13.2	42,059	-59.6	-0.8	3.2	-27.4

Nguồn: MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	09/18/26	09/11/26	09/04/26	08/28/26	08/21/26
Dầu khí	71.4%	31.5%	-18.7%	8.8%	6.7%
Ngân hàng	40.3%	-20.4%	-11.6%	53.0%	-23.9%
Chứng khoán	23.8%	3.5%	-32.8%	49.6%	-29.8%
Bất động sản	-5.7%	-19.8%	-4.5%	29.6%	-14.9%
Dệt may	39.0%	-0.8%	-51.5%	48.5%	-6.4%
Bán lẻ	2.3%	-24.1%	1.7%	26.6%	-12.2%
Vingroup	2.2%	-19.6%	12.4%	80.7%	-28.8%
Xây dựng & VLXD	3.8%	-11.0%	-9.6%	30.9%	-13.5%
Thực phẩm	46.7%	-24.7%	1.6%	-12.3%	12.4%
Thủy sản	-13.2%	-5.5%	12.7%	-9.0%	-52.7%
Logistics	11.0%	-28.9%	-13.7%	-12.8%	3.1%
Dược phẩm	222.6%	18.0%	-38.2%	20.8%	17.4%
Sản xuất & PP Điện	20.2%	-36.5%	5.6%	70.2%	-33.4%
Đầu tư công	-1.8%	-2.6%	-22.6%	44.8%	-40.3%
Hóa chất	7.5%	-42.7%	157.0%	20.9%	-14.8%
Cao su tự nhiên	9.9%	49.5%	-29.0%	-21.3%	15.5%
Bảo hiểm	185.2%	-17.9%	-22.7%	46.9%	-5.0%
Ô tô và phụ tùng	9.5%	-6.8%	-2.1%	21.7%	7.3%
Dịch vụ	13.6%	-3.2%	-18.0%	14.0%	-18.6%
BDS KCN	26.5%	-3.0%	-38.1%	40.3%	-37.4%
Viettel	-11.5%	-13.3%	-10.6%	-38.1%	6.8%
Du lịch	-49.4%	183.3%	-73.9%	-23.8%	-25.2%
Công nghệ	17.9%	70.3%	-41.7%	62.9%	-31.3%
Đường	13.2%	-13.2%	20.2%	-3.7%	56.7%

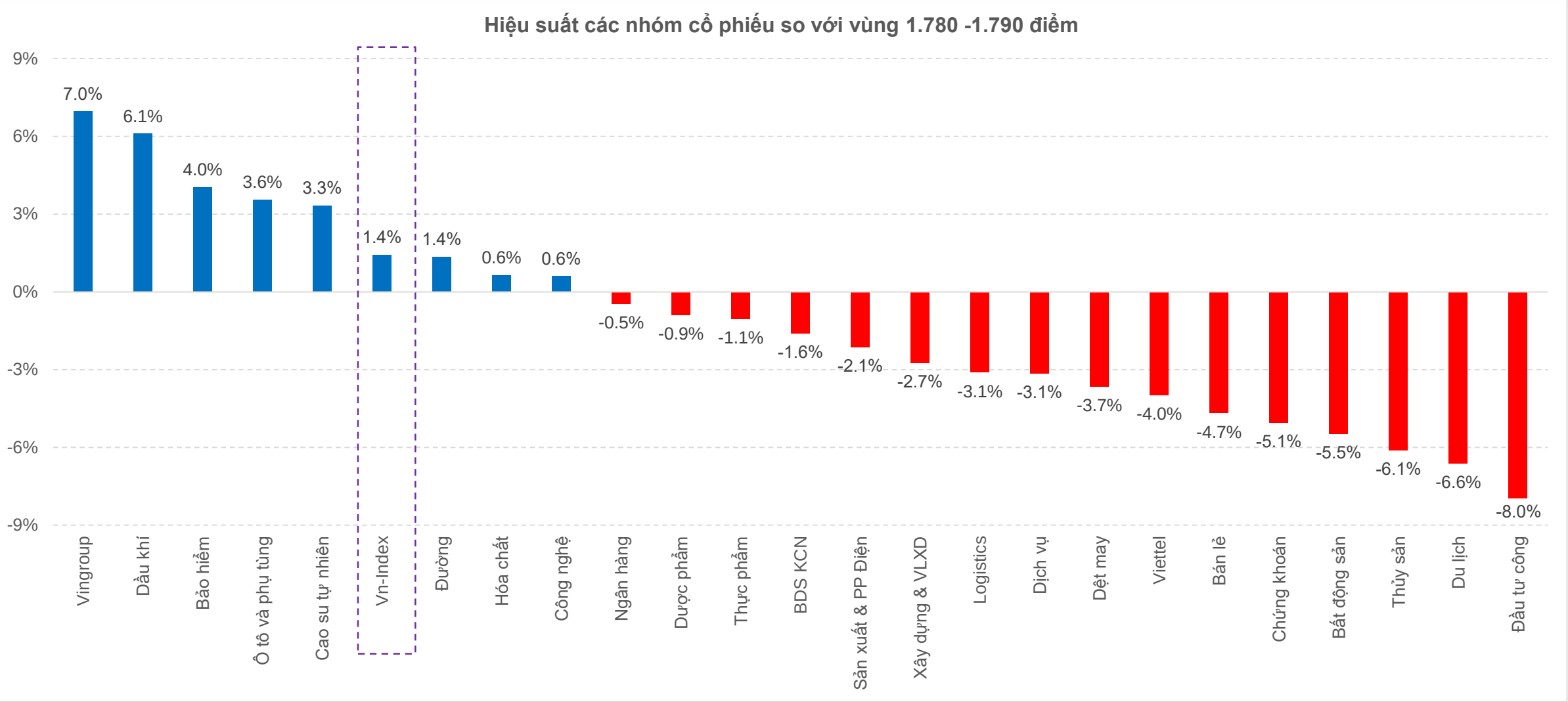
Nguồn: FinX, MBS Research

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	09/18/26	09/11/26	09/04/26	08/28/26	08/21/26
Dầu khí	12.1%	8.8%	5.8%	6.5%	8.3%
Ngân hàng	25.4%	22.4%	24.6%	25.4%	23.1%
Chứng khoán	14.0%	14.0%	11.8%	16.0%	14.9%
Bất động sản	5.5%	7.2%	7.8%	7.4%	8.0%
Dệt may	0.2%	0.2%	0.2%	0.3%	0.3%
Bán lẻ	3.6%	4.4%	5.0%	4.5%	5.0%
Vingroup	16.6%	20.0%	21.8%	17.7%	13.6%
Xây dựng & VLXD	3.5%	4.1%	4.1%	4.1%	4.4%
Thực phẩm	4.7%	4.0%	4.6%	4.1%	6.5%
Thủy sản	0.1%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%
Logistics	1.5%	1.7%	2.1%	2.2%	3.5%
Dược phẩm	0.7%	0.3%	0.2%	0.3%	0.4%
Sản xuất & PP Điện	1.0%	1.0%	1.4%	1.2%	1.0%
Đầu tư công	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.7%
Hóa chất	2.1%	2.5%	3.7%	1.3%	1.5%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.2%	0.1%	0.2%	0.3%
Bảo hiểm	0.6%	0.2%	0.3%	0.3%	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%
Dịch vụ	1.4%	1.5%	1.3%	1.5%	1.8%
BDS KCN	1.1%	1.1%	1.0%	1.5%	1.5%
Viettel	0.4%	0.5%	0.5%	0.5%	1.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	4.1%	4.3%	2.2%	3.5%	3.0%
Đường	0.3%	0.4%	0.4%	0.3%	0.4%

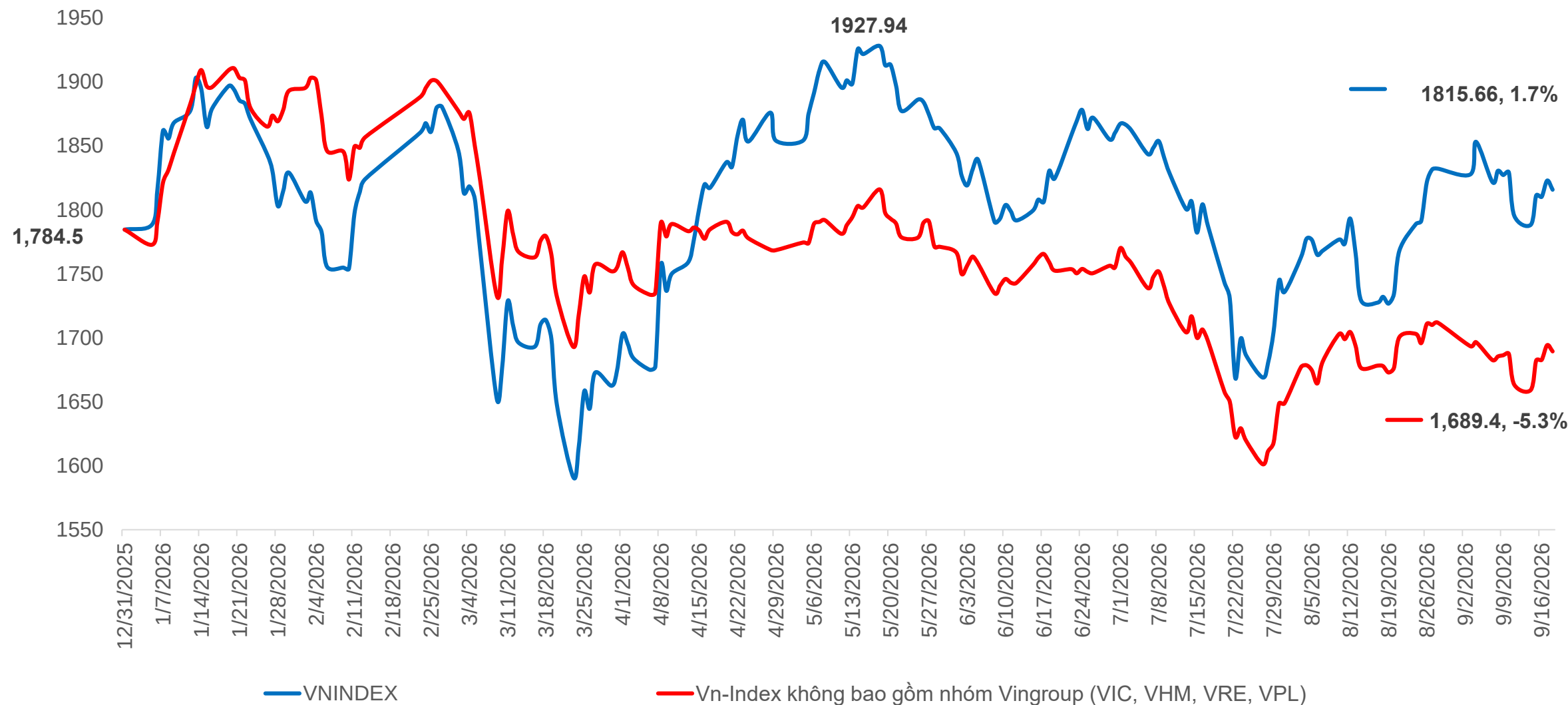
Nguồn: FinX, MBS Research

Chỉ số Vn-Index test vùng hỗ trợ 1.780 -1.790 điểm khá thành công, hiện cao hơn vùng hỗ trợ này +1,4%, tuy vậy nhiều nhóm cổ phiếu vẫn ở dưới ngưỡng hỗ trợ này



Nguồn: MBS Research

Đang có sự lệch pha giữa chỉ số Vn-Index và cổ phiếu: Vn-Index lấy lại ngưỡng 1.800 điểm nhưng Vn-Index không Vingoup vẫn đang nằm dưới 1.700 điểm



Hiệu suất nhóm cổ phiếu chứng khoán

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	ABW	14.4	158	-3.4	3.6	1.4	21.0
2	HCM	25.5	3,864	-6.8	0.0	0.8	34.1
3	ORS	13.4	3,108	-21.2	3.1	-3.3	1.9
4	VCK	29.7	2,423	-22.1	2.4	0.5	-5.2
5	TCI	9.7	50	-28.4	1.0	-1.0	-0.9
6	TCX	31.5	2,231	-29.3	-0.8	-3.6	-2.5
7	VPX	23.9	811	-30.7	-0.4	-3.8	-19.8
8	SSI	21.4	21,454	-32.2	5.4	8.1	-11.6
9	CTS	22.0	1,522	-39.9	2.1	-0.7	-15.3
10	VCI	20.7	10,459	-42.4	3.0	-4.0	-19.3
11	VND	15.2	10,492	-42.8	0.3	-5.9	-19.6
12	MBS	17.0	3,306	-43.6	3.0	-2.3	-14.0
13	BSI	27.4	329	-47.2	2.1	-1.4	-19.9
14	SHS	14.4	9,578	-52.0	0.7	-5.3	-30.1
15	VIX	13.2	42,059	-59.6	-0.8	3.2	-27.4

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Ngân hàng

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	SSB	24.1	3,596	1.3	31.7	58.6	66.5
2	STB	78.2	3,572	-1.0	1.2	5.4	34.8
3	HDB	27.5	10,980	-8.3	2.6	2.4	-7.4
4	ACB	21.9	7,305	-10.6	-0.7	0.2	5.8
5	MBB	19.9	12,110	-15.8	0.8	0.0	-1.8
6	OCB	10.5	2,391	-16.3	2.9	-4.1	1.2
7	LPB	48.0	2,616	-18.0	2.8	-5.7	21.5
8	VPB	27.5	20,465	-23.0	1.9	10.9	-2.5
9	TCB	31.6	14,781	-23.2	0.0	-0.6	-7.6
10	VCB	59.9	5,173	-23.4	2.9	2.9	4.9
11	CTG	30.3	7,543	-29.4	1.0	-4.0	-14.1
12	BID	35.8	3,710	-31.7	0.4	-0.4	-0.7
13	TPB	14.1	6,869	-32.3	-0.4	-2.4	-17.5
14	VIB	13.6	4,838	-33.0	2.6	4.1	-11.5
15	BVB	11.8	748	-33.6	3.1	-2.5	-11.0
16	SHB	11.8	46,761	-37.7	2.2	1.3	-26.8
17	EIB	16.4	4,319	-46.3	-2.4	-4.1	-23.0

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Bất động sản

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	SJS	56.7	32	-33.1	0.2	19.9	-8.3
2	NVL	12.8	12,267	-34.6	4.9	-3.0	2.9
3	NTL	12.6	667	-37.8	-1.2	-6.3	-31.3
4	NLG	24.1	2,108	-41.0	-2.4	1.5	-19.3
5	TAL	22.6	137	-42.4	2.0	-4.4	-37.9
6	AGG	10.0	279	-47.4	-2.9	-1.2	-22.7
7	TCH	11.9	6,017	-48.0	1.3	6.7	-28.9
8	IJC	6.9	1,366	-50.2	2.2	-6.5	-32.1
9	HDG	16.1	1,186	-50.5	0.9	-0.9	-34.0
10	DXG	10.6	11,045	-50.8	-1.4	-7.8	-29.5
11	DIG	10.2	5,331	-56.8	1.5	-1.1	-35.3
12	PDR	11.5	4,532	-57.7	-2.1	-5.0	-38.8
13	KDH	15.8	5,219	-58.5	-3.1	-12.2	-49.8
14	CII	12.9	9,216	-58.9	-2.6	-12.5	-38.3
15	CEO	11.5	6,408	-63.4	-3.4	-5.0	-42.9
16	HDC	11.5	949	-65.1	0.9	-4.2	-42.0

Nguồn: MBS Research

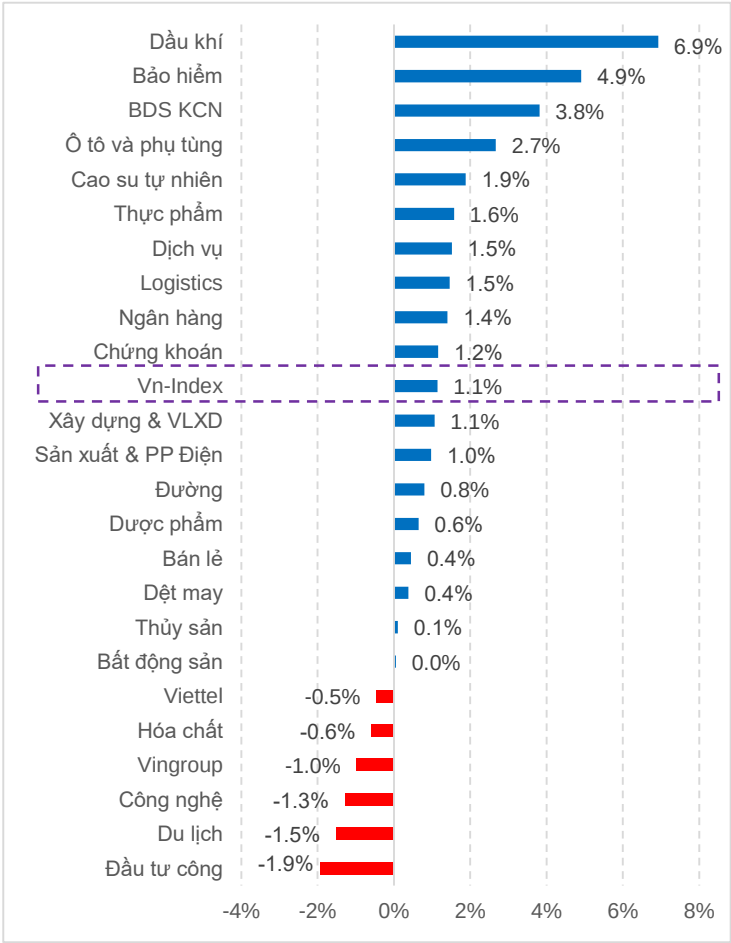
Hiệu suất nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa Chất, Logistics

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	KLTB 20 phiên (Nghìn CP)	So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
1	GMD	77.3	956	-11.1	3.6	-1.9	30.4
2	PHP	43.8	222	-11.3	-3.7	-2.2	43.6
3	BSR	30.2	11,877	-22.9	9.6	16.2	89.7
4	PVT	22.8	5,558	-23.4	3.2	12.3	36.2
5	PVS	33.3	3,647	-29.2	4.1	15.8	16.5
6	PVD	19.2	5,690	-29.6	3.5	5.8	13.1
7	HAH	48.0	727	-30.4	4.2	4.7	-15.0
8	DPM	22.9	3,596	-31.8	2.0	6.3	9.7
9	GAS	88.0	1,810	-33.1	6.2	11.3	21.6
10	DCM	33.1	3,364	-33.9	1.7	8.2	6.9
11	BFC	47.6	146	-34.6	1.8	-0.2	19.3
12	CSV	20.9	239	-39.9	0.2	-1.2	-23.4
13	OIL	14.4	2,558	-44.0	4.4	10.7	35.3
14	LAS	11.8	160	-44.9	0.0	0.0	-24.8
15	PLX	37.4	5,353	-45.0	6.3	5.4	9.7
16	DGC	36.0	887	-56.1	-7.2	5.3	-36.7
17	VSC	13.4	10,177	-61.1	2.7	-7.9	-33.1

Nguồn: MBS Research

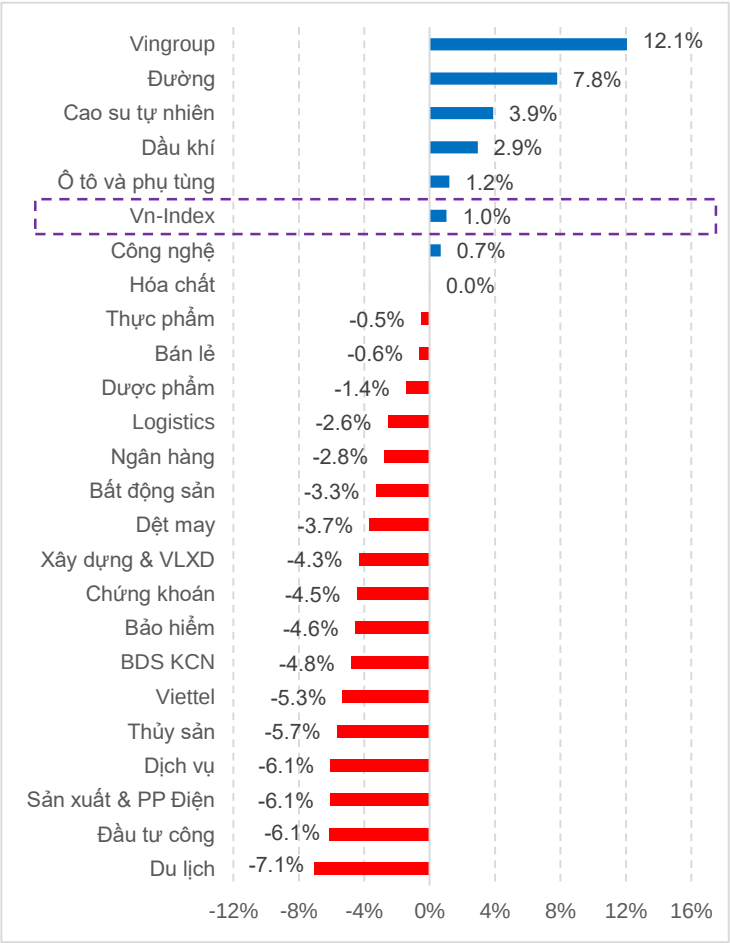
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tuần)



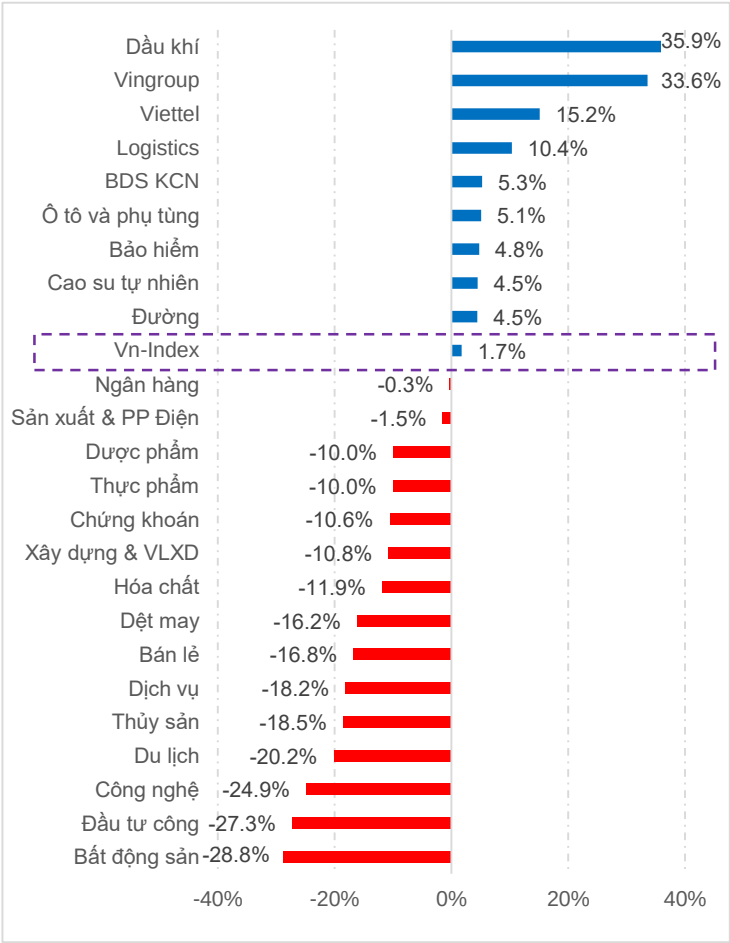
Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tháng)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (YTD)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

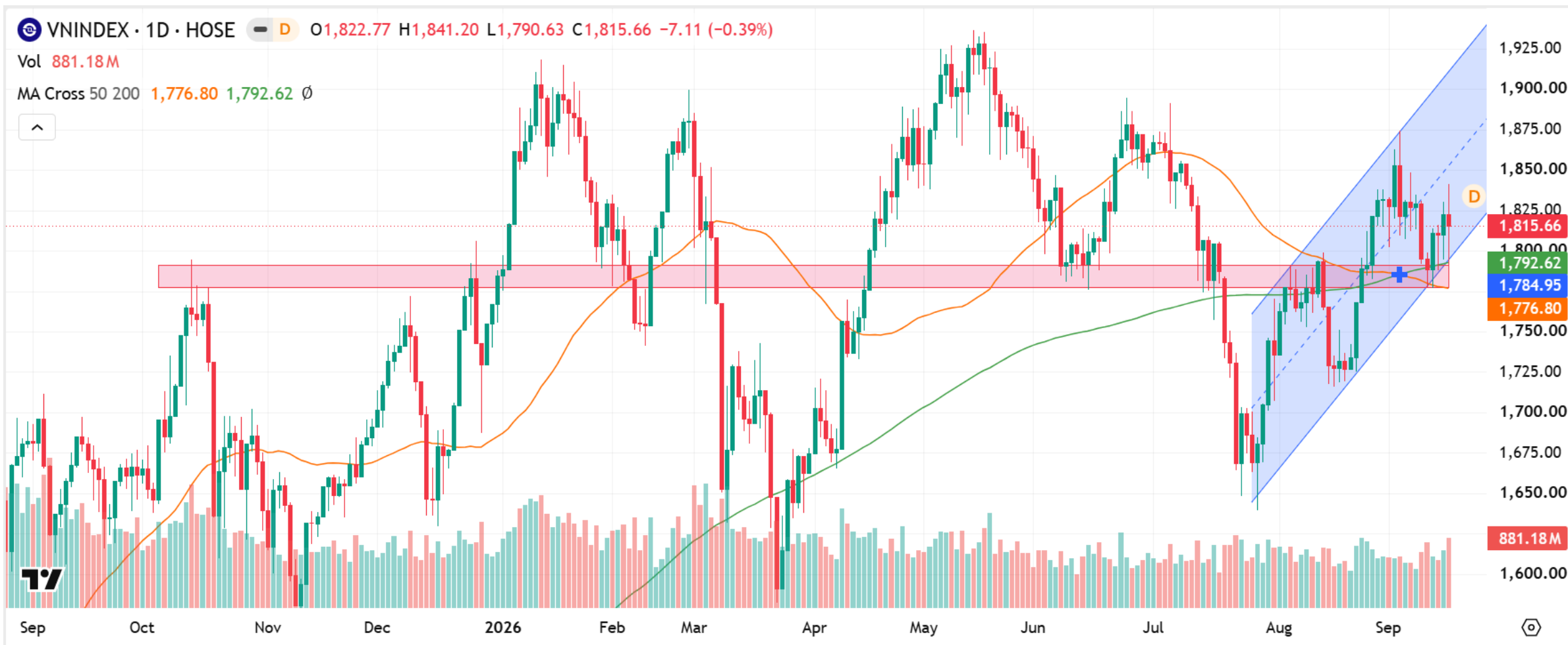
STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1815.66	1.14	5.1	1.8	
1	VIC	241.20	-0.9	21.8	42.2	1,139
2	SHB	11.80	2.2	1.3	-26.8	593
3	VIX	13.15	-0.8	3.2	-27.4	581
4	VHM	71.00	-1.4	4.1	18.9	498
5	HPG	21.55	1.2	1.7	-8.6	485
6	FPT	71.70	-1.4	4.2	-24.1	476
7	TCB	31.60	0.0	-0.6	-7.6	465
8	VPB	27.45	1.9	10.9	-2.5	452
9	SSI	21.40	5.4	8.1	-11.6	436
10	PNJ	36.75	-1.5	1.5	-42.6	292
11	BSR	30.20	9.6	16.2	89.7	289
12	HDB	27.50	2.6	2.4	-7.4	286
13	GEX	24.40	1.9	-0.6	-18.8	285
14	MSN	68.40	2.9	2.2	-11.2	284
15	VCB	59.90	2.9	2.9	4.9	281

Nguồn: MBS Research

STT	MCK	Giá đóng cửa (18/09)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	STB	78.20	1.2	5.4	34.8	271
17	ACB	21.90	-0.7	0.2	5.8	269
18	MBB	19.90	0.8	0.0	-1.8	265
19	MWG	72.50	1.7	-1.4	-16.7	265
20	CTG	30.25	1.0	-4.0	-14.1	257
21	VNM	61.20	2.2	-1.6	3.2	248
22	VCI	20.65	3.0	-4.0	-19.3	215
23	VND	15.20	0.3	-5.9	-19.6	200
24	SHS	14.40	0.7	-5.3	-30.1	191
25	NVL	12.80	4.9	-3.0	2.9	187
26	LPB	48.00	2.8	-5.7	21.5	151
27	VJC	129.00	3.5	4.5	-19.8	151
28	BID	35.75	0.4	-0.4	-0.7	142
29	VRE	25.50	-0.4	4.5	-21.5	142
30	VSC	13.35	2.7	-7.9	-33.1	136

Nguồn: MBS Research

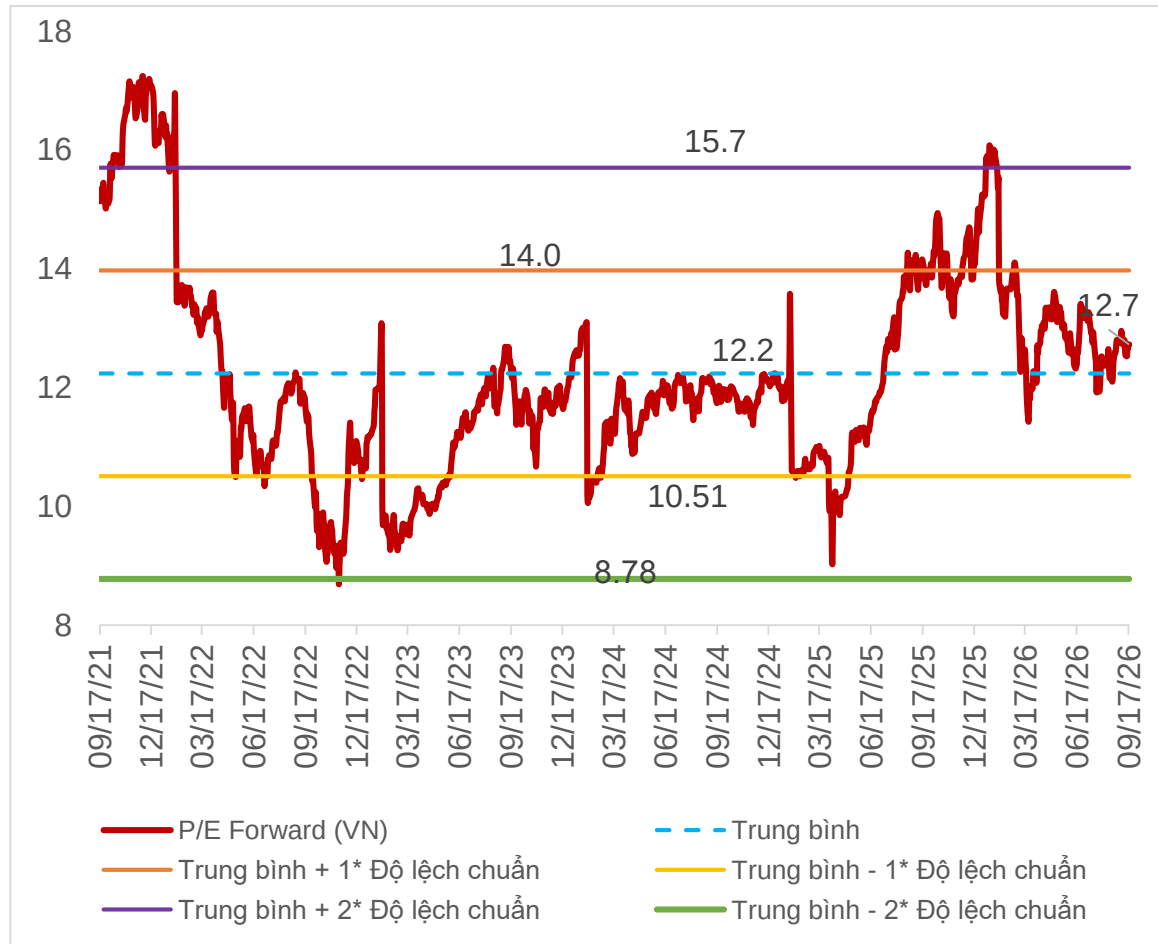
Sau tuần tăng vừa qua, chỉ số Vn-Index tiếp tục củng cố xu hướng tăng ngắn hạn khi tạo các đáy sau cao hơn đáy trước, lúc này vùng 1.790 điểm là hỗ trợ cho thị trường để bảo toàn xu hướng hồi phục của thị trường kể từ khi tạo đáy ở vùng 1.660 điểm.



Nguồn: Tradingvies, MBS Research

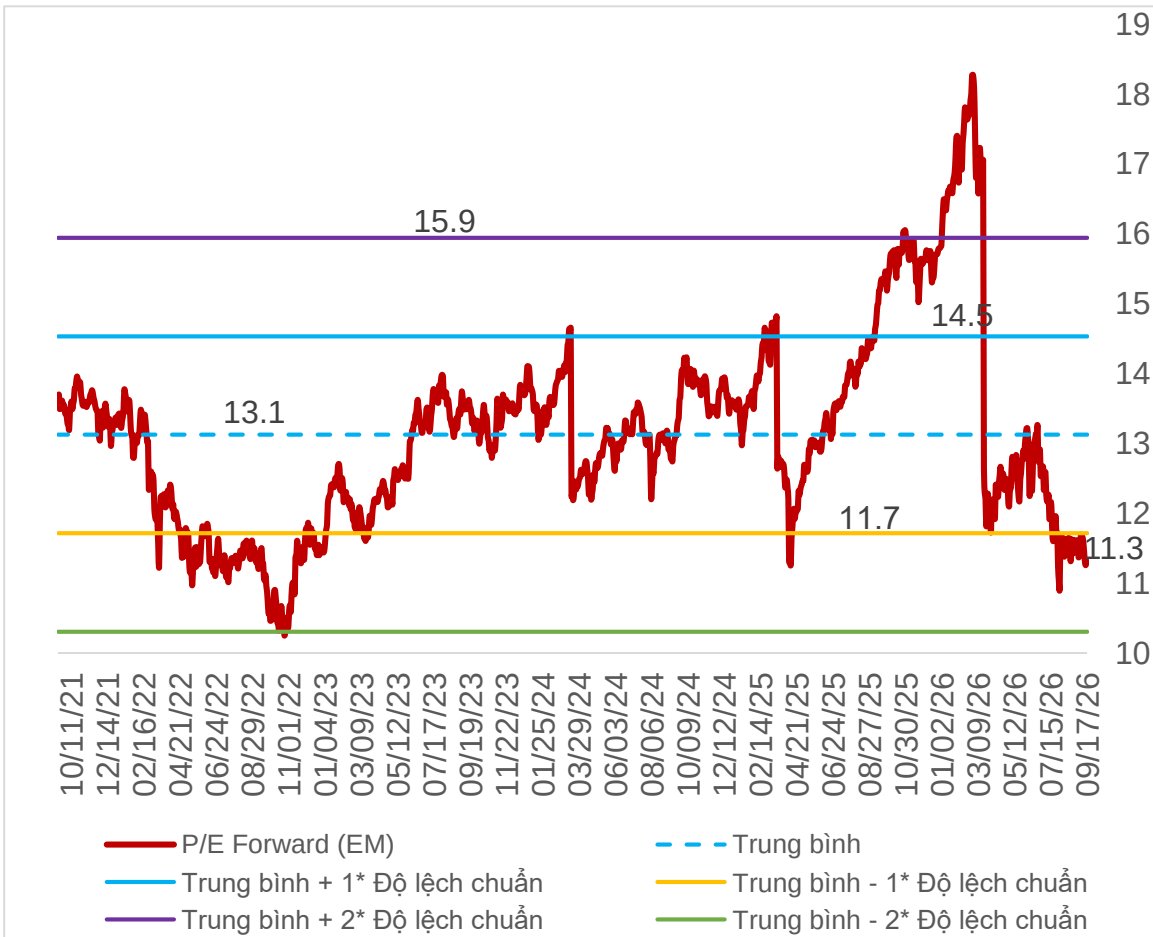
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lịch sử tài chính ghi nhận tháng 9 thường là giai đoạn có hiệu suất kém tích cực trong 4 năm vừa qua. Đây không đơn thuần là sự trùng hợp thống kê mà là phản ánh của tâm lý hành vi và chu kỳ công bố thông tin

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	1.90	2.01	-.80	-.64	2.62	.57	1.74	3.89	-.63	-2.06	3.15	1.65
2026	2.50	2.80	-10.95	10.73	.51	-.19	-6.68	5.55	-.90			
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	3.13	5.53
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị Trường Hàng Hóa 2H2026 - 2027: Đón Đầu Đón Đầu Chu Kỳ Mới

Ngành Cao Su: Chu Kỳ Tăng Giá Kỷ Lục



↑ 29%

Giá SVR10 Việt Nam tăng, dự phóng đạt 3.0 USD/kg vào cuối năm 2027.

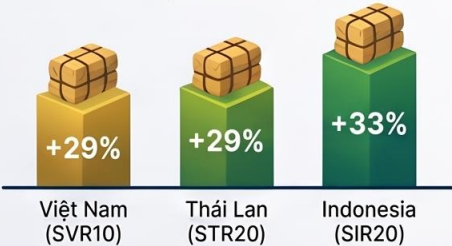


Nguồn cung thắt chặt do chuyển đổi diện tích
Động Nam Á thu hẹp diện tích trồng cao su để chuyển sang khu công nghiệp.



Tác động kép từ El Niño
El Niño làm giảm sản lượng khai thác và gây tổn hại hệ rễ cây.

Mức tăng giá cao su tại các thị trường trọng điểm (so với đầu năm)



Ngành Dầu Khí: Động Lực Từ Địa Chính Trị Và Đầu Tư



Kịch bản giá dầu Brent duy trì mức cao

Kịch bản cơ sở dao động 85-95 USD/thùng; có thể vượt 120 USD nếu xung đột leo thang.

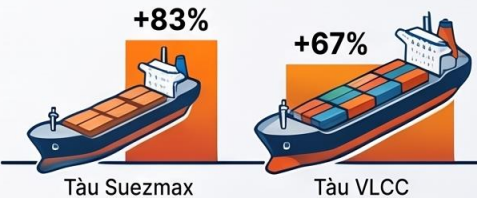


Chu kỳ đầu tư thượng nguồn mạnh nhất thập kỷ
Dự án Lô B - Ô Môn dẫn dắt tăng trưởng ngành giai đoạn 2027-2030.

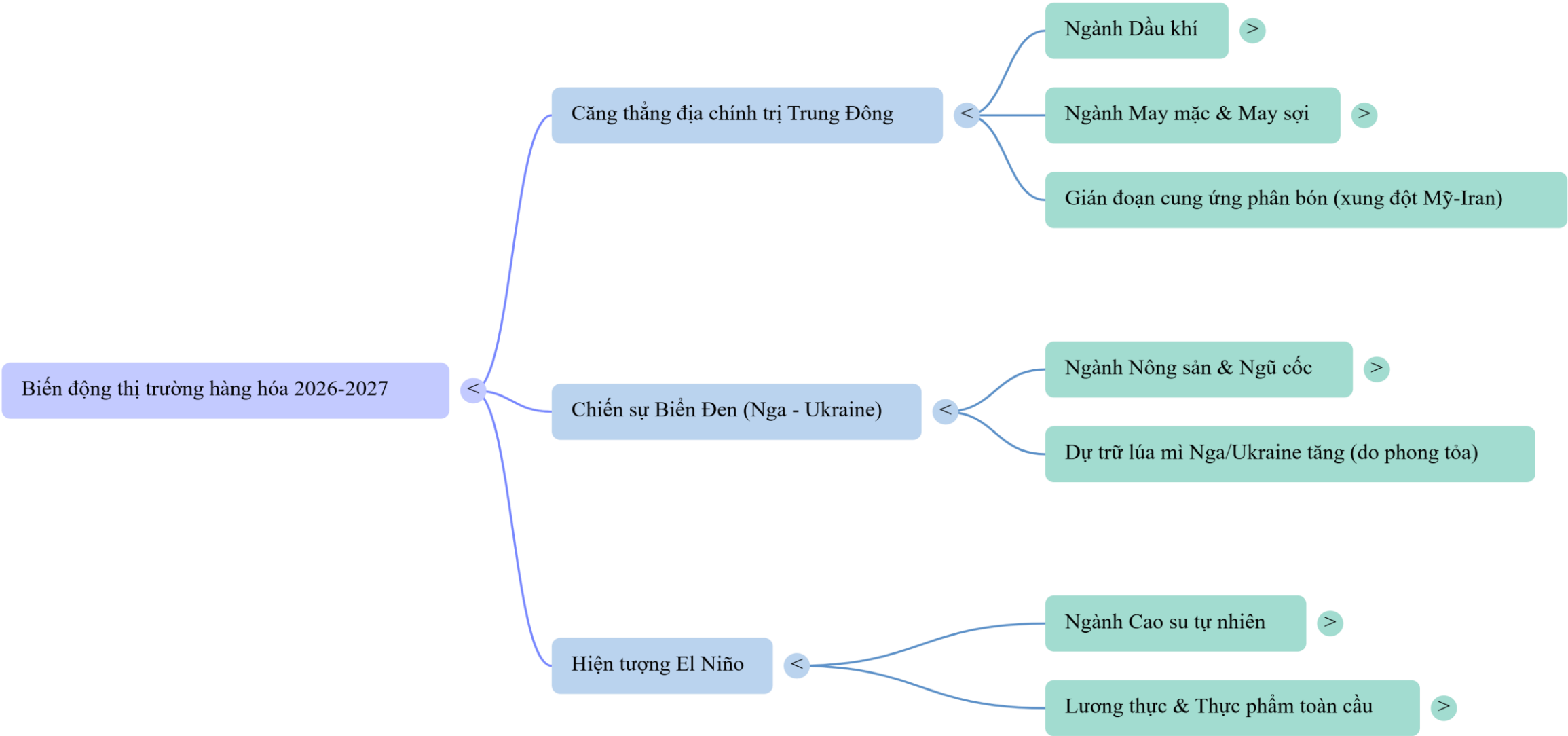


Cước vận tải biển tăng vọt do tái định tuyến
Tuyến vận chuyển vòng qua Mũi Hào Vọng kéo dài hành trình từ 19 lên 48 ngày.

Gia tăng chi phí vận tải biển (do căng thẳng Trung Đông)



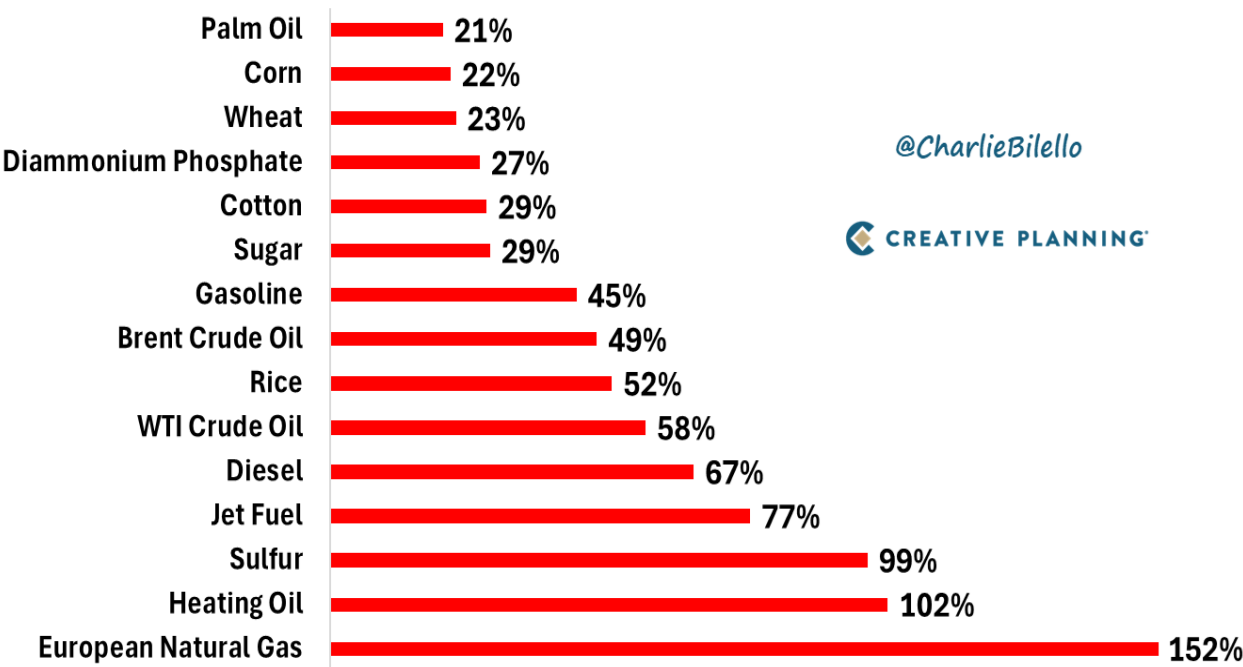
Sơ đồ tư duy liên kết giữa Căng thẳng địa chính trị Trung Đông, Chiến sự Biển Đen và hiện tượng El Niño đến biến động giá của Dầu khí, Cao su và Nông sản toàn cầu.



Chỉ số Hàng hóa Bloomberg đã TĂNG VỌT lên mức cao nhất trong HƠN MỘT THẬP KỶ. Nó đã tăng tới 32% TÍNH ĐẾN NAY, một con số KINH NGẠC.

THÊM BẰNG CHỨNG CHO THẤY MỘT SIÊU CHU KỲ GIÁ HÀNG HÓA ĐANG VẬN HÀNH.

Price Increases Since Start of the Iran War
(From 2/28/26 to 9/15/26)



@CharlieBilello

CREATIVE PLANNING



Triển Vọng Cổ Phiếu Cao Su: Cơ Hội Từ "Vàng Trắng" & Quỹ Đất

ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG NGÀNH



Giá bán tăng mạnh do thiếu hụt nguồn cung

Giá cao su tự nhiên duy trì ở mức cao, thúc đẩy biên lợi nhuận doanh nghiệp.



3.600 tỷ đồng
tiền đền bù đất

Nguồn thu đột biến từ VSIP và Thaco dự kiến đổ về trong năm 2026-2027.

Chuyển đổi hơn 2.500 ha
sang Khu công nghiệp

Quỹ đất KCN mới tạo động lực tăng trưởng dài hạn cho các doanh nghiệp đầu ngành.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG



GVR & PHR: Lợi thế quy mô và đền bù lớn

Hai doanh nghiệp hưởng lợi trực tiếp từ quỹ đất KCN và tiền đền bù khổng lồ.



TRC & DRI: Dư địa tăng sản lượng tại nước ngoài

Vườn cây tại Lào và Campuchia bước vào giai đoạn khai thác năng suất cao nhất.



Chính sách cổ tức tiền mặt hấp dẫn

Tỷ suất cổ tức dự kiến từ 7-14%
nhờ dòng tiền dồi dào và lợi nhuận cải thiện.

GVR

Giá Khuyến Nghị: **38.800 đ/CP**



- Đầu ngành, chiếm **40%** diện tích cả nước, quỹ đất KCN **2.500 ha**.

PHR

Giá Khuyến Nghị: **44.100 đ/CP**



- Nhận **3.600 tỷ** đền bù; cổ tức **14%**; tài chính cực kỳ lành mạnh.

DRI

Giá Khuyến Nghị: **20.900 đ/CP**



- Đạt chứng chỉ **EUDR/FSC** xuất khẩu **EU**; sản lượng tại Lào tăng mạnh.

Triển Vọng Cổ Phiếu Dầu Khí: Tiêu Điểm PVS & PVT

Báo cáo phân tích triển vọng của PVS và PVT trong giai đoạn 2025-2026, nhấn mạnh vào khối lượng công việc khổng lồ (backlog) từ các đại dự án dầu khí đối với PVS và chiến lược mở rộng đội tàu mạnh mẽ của PVT nhằm đón đầu nhu cầu vận tải quốc tế.

PVS - Động Lực Từ Các Siêu Dự Án

>\$1 BILLION

Khối lượng Backlog đạt hơn 1 tỷ USD

Các dự án M&C dự kiến bước vào pha cao điểm từ năm 2026.

Lô B - Ô Môn

Cá Voi Xanh

Trụ cột từ Lô B - Ô Môn và Cá Voi Xanh

Ước tính giá trị hợp đồng tiềm năng tại các dự án lớn đạt 1.0 - 1.5 tỷ USD.



Đẩy mạnh đầu tư công suất dài hạn

Kế hoạch gia tăng công suất để tiếp nhận các hợp đồng lớn giai đoạn 2026-2030.

PVT - Bứt Phá Quy Mô Đội Tàu

12.204 Tỷ Đồng

Doanh thu kỷ lục 12.204 tỷ đồng

Dự phóng kết quả kinh doanh mảng vận tải năm 2026 đạt mức cao nhất lịch sử.

2025 - Q2/2026



Mở rộng đội tàu lên 68 chiếc

Nhận thêm 9 tàu mới trong giai đoạn 2025 - Q2/2026 để phục vụ thị trường quốc tế.



Thống lĩnh thị phần nội địa

Duy trì vị thế độc quyền vận tải dầu thô/LPG cho nhà máy Dung Quất và Nghi Sơn.

Tóm tắt định giá và khuyến nghị đầu tư cho hai mã cổ phiếu.

	PVS	PVT
Cổ phiếu		
Khuyến nghị	Khả quan	Khả quan
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)	57,300	30,300

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
1	VHM	85,000	15.5%	35.0%	10.7	2.2	Nhờ mở bán các đại dự án lớn như Green Paradise (2,870 ha), Global Gate Hạ Long (4,120 ha), Làng Vân (512 ha) và Mỹ Lâm (455 ha), năm 2026, chúng tôi dự phóng doanh số bán hàng tăng trưởng 47%, qua đó doanh thu và LN ròng lần lượt tăng trưởng 25% và 35% svck.VHM nằm trong danh mục 27 cổ phiếu chính thức được đưa vào rổ FTSE Global All-Cap. Dòng vốn ngoại sẽ đổ vào thị trường hỗ trợ cho đà tăng giá và thanh khoản của cổ phiếu.
2	VCB	74,500	24.0%	19.0%	11.1	1.8	LNTT Q2 đạt 17,420 tỷ đồng, tăng 57.9% svck; lũy kế 6T26 đạt 29,222 tỷ đồng, tăng 33.5% svck. Động lực chính đến từ NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi tăng đột biến và chi phí dự phòng giảm mạnh trong quý. Chất lượng tài sản duy trì tích cực với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0.60% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 279%. Chúng tôi dự báo LNST của VCB năm 2026/2027 sẽ tăng trưởng 2 chữ số sau giai đoạn tăng trưởng chậm, được thúc đẩy bởi (i) TTTD khoảng 14% svck và (ii) NIM cải thiện trong năm 2026 nhờ lợi thế chi phí vốn và tỷ lệ CASA nằm trong top dẫn đầu ngành, cùng với việc mở rộng danh mục cho vay trung-dài hạn. Chúng tôi đưa mức định giá mục tiêu P/B cho VCB là 2.2x, phản ánh chất lượng tài sản vượt trội so với ngành cùng với kỳ vọng việc phát hành tăng vốn dự kiến được thực hiện vào năm 2026, và hưởng lợi từ việc tính thêm 20% TGKB vào tỷ lệ LDR hay giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
3	STB	86,300	15.7%	7.8%	22.1	2.1	LN ròng quý 2 đạt 1.346,69 tỷ đồng giảm 53,46% so với cùng kỳ. Lũy kế LN ròng 6 tháng đầu năm đạt 2.931,1 tỷ đồng giảm 49,38% so với cùng kỳ.Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ sau 2027 đến từ kiểm soát chi phí tốt hơn và áp lực trích lập dự phòng giảm dần. Kỳ vọng khoản nợ xấu tồn đọng lâu năm liên quan đến 32.5% cổ phần của ông Trầm Bê sẽ được xử lý trong năm 2026 và hoàn tất trong đầu 2027, qua đó có thể mang lại một khoản lợi nhuận đột biến lớn từ việc thu hồi nợ và hoàn nhập dự phòng.
4	TCB	47,950	43.3%	16.0%	8.1	1.2	LNTT trong Q2/26 đạt 9.670 tỷ đồng, +22.4% svck và +9.0% so với quý trước. Lũy kế 6T26, TCB ghi nhận 18,540 tỷ đồng, +22.5% svck và hoàn thành 49% KH cả năm 2026. Mảng cho vay chủ lực là BĐS hiện đang bị kiểm soát tín dụng khá chặt buộc TCB phải dịch chuyển cơ cấu sang cho vay đầu tư xây dựng hạ tầng dựa vào hệ sinh thái Vin, Masterise, One Mount... Điều này có thể gây áp lực lên NIM trong ngắn hạn nhưng bù lại sẽ đem về nguồn CASA ổn định và nợ xấu thấp. LNTT 2026 dự kiến sẽ đạt KH cả năm với NIM được dự báo sẽ đi ngang 2025 cùng TTTD khoảng 15%, không bao gồm các khoản cho vay 18 đại dự án. P/B hiện tại đạt 1.1x, thấp hơn so với toàn ngành, được đánh giá là hấp dẫn so với dư địa tăng trưởng và khả năng sinh lợi hàng đầu.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
5	FPT	101,000	39.0%	17.0%	11.3	2.9	Mức P/E 2026-27 ~10.1x, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm (20.1x) trong khi duy trì tăng trưởng kép LN ròng 17%. Định giá hiện tại cơ bản đã phản ánh các rủi ro doanh nghiệp gặp phải.- Backlog tăng trưởng bền vững, đạt 32% svck với nhiều hợp đồng lớn, kỳ vọng sẽ dần được hấp thụ vào doanh thu. Mạng CNTT ghi nhận LN tăng mạnh nhờ xu hướng chuyển đổi số của Chính Phủ và các doanh nghiệp nội, trong khi triển vọng kinh doanh của các công ty liên kết như FOX, FRT vẫn duy trì tích cực.
6	GMD	104,600	32.0%	56.0%	11.8	2.0	LN ròng của GMD tăng trưởng bùng nổ trong Q2/2026 nhờ: (1) Gia tăng LN từ Gemalink khi sản lượng trong Q2 tăng khoảng 37% svck trong bối cảnh mùa cao điểm được đẩy sớm lên, (2) tăng 10% giá dịch vụ trung bình tại toàn hệ thống cảng và (3) ghi nhận thu nhập khác khoảng 700 tỷ từ thương vụ hoán đổi cổ phần với CJ Logistics. Ngoài ra, việc đưa vào khai thác Nam Đình Vũ Giai đoạn 3, kết hợp lộ trình đẩy nhanh tiến độ Gemalink Giai đoạn 2 & 3, sẽ tạo ra bước ngoặt về quy mô khai thác, tạo tiền đề cho GMD hấp thụ nhu cầu vận tải đang tăng cao. Biên LNG của GMD được kỳ vọng sẽ nới rộng nhờ việc tăng giá dịch vụ mới tại các cảng nước sâu và khả năng ấn định giá tại khu vực phía Bắc nhờ vị thế cửa sông; đồng thời kế hoạch thoái vốn tại Gemalink sẽ không chỉ mang lại dòng tiền đột biến mà còn đảm bảo nguồn hàng ổn định cho các giai đoạn mở rộng trong tương lai.
7	PVD	24,500	25.0%	16.7%	16.0	1.0	Báo cáo tài chính Q2/2026 của PVD phản ánh giai đoạn mở rộng quy mô tài sản mạnh mẽ nhưng chấp nhận đánh đổi biên lợi nhuận ngắn hạn. Mặc dù doanh thu thuần 6 tháng tăng vọt 62.9% svck lên 6,437 tỷ đồng nhờ hiệu suất vận hành giàn khoan tối đa và sự bổ sung từ giàn PV DRILLING IX, lợi nhuận ròng Q2/2026 bị thu hẹp đáng kể (-32.1% svck) về mức 163 tỷ đồng do áp lực chi phí lãi vay tăng gấp 2.4 lần và lỗ tỷ giá phát sinh. Tuy nhiên, nhìn trên tổng thể 6 tháng đầu năm, LNST của PVD vẫn tăng trưởng tích cực 21.8%. Chúng tôi dự phóng lợi nhuận ròng giai đoạn 2026-2027F của PVD đạt 1,211/1,260 tỷ đồng (+16.7/4.1% svck) đến từ sự đóng góp khả quan của 2 giàn khoan mới PVD VIII & IX trong bối cảnh giá cho thuê giàn khoan vẫn tiếp đà tăng.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 9 2026



STT	Cổ phiếu	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2026	P/E 2026	P/B 2026	Luận điểm đầu tư
8	VRE	38,900	52.0%	-1.8%	9.4	1.1	Lợi nhuận sau thuế Q2/2026 đạt 1,608.5 tỷ đồng (+30.4% svck), lũy kế 6 tháng đạt 3,214.8 tỷ đồng (+33.4% svck). Tăng trưởng lợi nhuận vượt tăng trưởng doanh thu chủ yếu nhờ: (i) biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 58.6% (1H2026) từ 55.8% (1H2025) nhờ tỷ lệ lấp đầy và giá thuê cải thiện; (ii) lãi tài chính tăng mạnh +58.8% svck nhờ lãi suất tiền gửi cao hơn từ cuối 2025; và (iii) khoản lãi bất thường 184.8 tỷ đồng từ thanh lý một BĐS đầu tư không cốt lõi trong Q1/2026. Chúng tôi ước tính lợi nhuận VRE năm 2026-2027 đạt lần lượt là 6,329 và 7,043 tỷ đồng (-1.8%/+11.3% svck). Nếu loại bỏ khoản thu nhập 1,891 tỷ từ chuyển nhượng Vincom Center Nguyễn Chí Thanh trong 2025 thì lợi nhuận dự phóng năm 2026 của VRE ghi nhận mức tăng trưởng 38.9% svck. Ngoài ra, việc lọt vào rổ chỉ số FTSE cũng sẽ là 1 động lực tăng trưởng khá tốt đối với VRE. VRE đang có mức P/E 7.9, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3 năm ~14.x, đây là mức giá chiết khấu khá hấp dẫn để có thể nắm giữ VRE trong giai đoạn này.
9	VGI	107,000	22.4%	20.0%	21.9	6.6	Chuyển sang giai đoạn thu dòng tiền và mở rộng, hoạt động kinh doanh thuần cải thiện đáng kể với LN gộp ước tính tăng bền vững ~21% svck trong 2026. Định giá EV/EBITDA đạt ~13.2x, mức -1 độ lệch chuẩn 3 năm cho thấy dư địa tăng giá còn lớn. Chúng tôi cho rằng ở thời điểm hiện tại, nhà đầu tư khá quan tâm đến chủ điểm thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt khi VGI có tài sản chất lượng, sức khỏe tài chính tốt và câu chuyện tăng trưởng LN rõ ràng.
10	VSC	24,500	63.0%	9.0%	10.2	0.9	7T2026, tổng sản lượng container qua hệ thống cảng của VSC cải thiện 9.8% svck, trong đó nổi bật nhất là cảng Nam Hải Đình Vũ khi sản lượng thông qua cảng tăng 53.3% svck, hiệu suất cải thiện 19.4đ% svck, nhờ hoạt động thương mại trong khu vực tăng trưởng tích cực, kết hợp với việc tiếp nhận lượng hàng dịch chuyển từ cảng Hải An và các tuyến dịch vụ mới của đội tàu HAH. LN ròng 2026-27 dự kiến tăng trưởng lần lượt tăng 8.5%/26.2% svck, thúc đẩy bởi (1) xu hướng “Trung Quốc +1” và tiếp đón lượng hàng dịch chuyển từ cảng Hải An và đội tàu của HAH giúp cải thiện hiệu suất khai thác, (2) HaiAn Green Shipping Line gia tăng quy mô đội tàu từ 2H2026 và 2027, thúc đẩy doanh thu vận tải tăng trưởng mạnh mẽ, và (3) Chi phí SG&A cải thiện sau khi hoàn thiện nâng cấp luồng hàng hải trong 1H2026. Chúng tôi đánh giá những khó khăn liên quan đến áp lực chi phí tài chính và chi phí SG&A tăng cao đã được phản ánh vào nhịp điều chỉnh hơn 50% từ vùng đỉnh gần nhất, với tiềm năng tăng trưởng LN lạc quan trong giai đoạn 2026-27, đây là thời điểm phù hợp để tích lũy cổ phiếu VSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng